BnF Gallica

Bôn day nhng le cân cho duc rõi linh hôn

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

. Bôn day nhng le cân cho duc rõi linh hôn. 1931.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d’une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l’exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

8°
INDO-CHINOIS
1332

BỔN DẠY

NHỮNG LẼ CẦN

CHO ĐƯỢC

RỖI LINH HỒN

Địa phận HƯNG-HOÁ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 14978

Imprimerie de Quinhon
Quinhon (*Annam*)
1931

1332
C.
Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

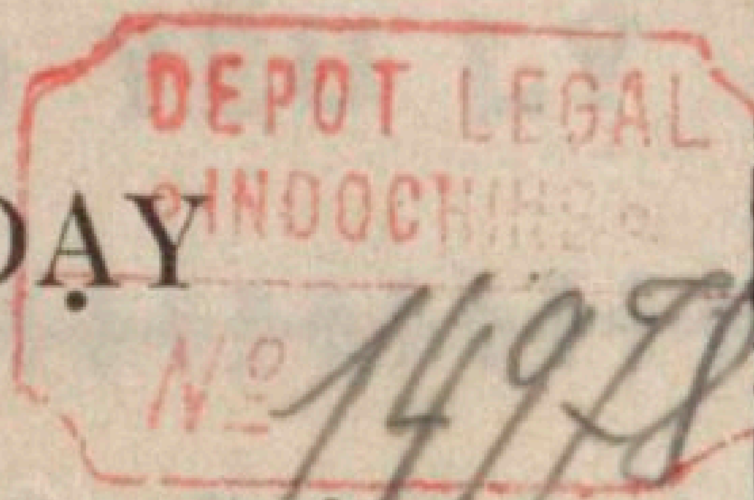
THÁNH GIÁO
YẾU LÝ

8° Indoch
1332





BỔN DẠY



NHỮNG LẼ CẦN

CHO ĐƯỢC

RỖI LINH HỒN

Địa phận HƯNG-HOÁ

Imprimerie de Quinhon

Quinhon (*Annam*)

1931

IMPRIMATUR :

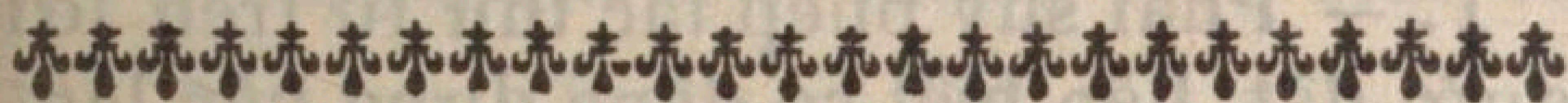
Hưng-hoá, die 1 Maiô 1927

† P. M. RAMOND

EP. VIC. APOST.



THÁNH GIÁO YẾU LÝ



PHẦN THỨ NHẤT.

Dạy về sự Đức Chúa Lời dựng nên lời đất, cùng về ba sự Mầu nhiệm cả trong đạo Đức Chúa Lời, và bốn sự sau, cùng nghĩa kinh Tin kính.



ĐOẠN THỨ NHẤT.

Dạy về sự Đức Chúa Lời dựng nên lời đất, cùng Thiên thần, và loài người ta.

1 — HỎI — *Phải làm đi gì cho được thanh nhàn vui vẻ vô cùng ?*

THƯA — Phải giữ đạo thánh Đức Chúa Lời.

2 — H. — *Đức Chúa Lời là đấng nào ?*

T. — Đức Chúa Lời là đấng dựng nên lời đất muôn vật, cùng hằng gìn giữ cai trị mọi sự.

3 — H. — *Phải suy lẽ nào cho được biết có Đức Chúa Lời ?*

T. — Phải suy phép tắc thứ tự trên lời dưới đất, liền biết có đấng dựng nên làm đầu cai trị, thì mới có phép tắc thứ tự vững bền làm vậy.

4 — H. — *Tính Đức Chúa Lời là tính thể nào ?*

T. — Tính Đức Chúa Lời là tính thiêng liêng, vô thủy vô chung, phép tắc vô cùng, thông minh vô cùng, lọn tốt lọn lành, ở khắp mọi nơi.

5 — H. — *Tính thiêng liêng nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là đấng sáng láng vô hình vô tượng chẳng hay hư chẳng hay nát.

6 — H. — *Vô thủy vô chung nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là trước sau vô cùng chẳng có bao giờ mà chẳng có Đức Chúa Lời.

7 — H. — *Phép tắc vô cùng nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Lời muốn làm sao, thì nên làm vậy.

8 — H. — *Thông minh vô cùng nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Lời biết tỏ mọi sự.

9 — H. — *Lọn tốt lọn lành nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Lời gồm các phúc đức vô ngần vô số.

10 — H. — *Ở khắp mọi nơi nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Lời ở trên lời dưới đất, chẳng có nơi nào mà chẳng có Đức Chúa Lời.

11 — H. — *Đức Chúa Lời lấy đi gì mà dựng nên lời đất ?*

T. — Đức Chúa Lời chẳng có lấy đi gì, một phán dạy liền có lời đất.

12 — H. — *Trên lời dưới đất Đức Chúa Lời đã dựng nên loài nào trọng hơn ?*

T. — Đức Chúa Lời đã dựng nên hai loài trọng hơn, một là thiên thần, hai là loài người ta.

13 — H. — *Thiên thần là đấng nào ?*

T. — Thiên thần là đấng thiêng liêng Đức Chúa Lời đã dựng nên để mà chầu

chực Đức Chúa Lời và hưởng phúc vô cùng trên thiên đàng.

14 — H. — *Các thiên thần có được hưởng phúc ấy cho lâu cả thảy chăng ?*

T. — Chẳng được, vì có thiên thần phạm tội mà hư đi.

15 — H. — *Những thiên thần phạm tội tên là gì ?*

T. — Tên nó là ma quỉ.

16 — H. — *Ma quỉ phạm tội nào ?*

T. — Ma quỉ phạm tội kiêu ngạo, muốn lên bằng Đức Chúa Lời.

17 — H. — *Đức Chúa Lời có ý nào mà dựng nên loài người ta ?*

T. — Có ý cho người ta biết, và thờ phượng kính mến, cùng làm tôi Đức Chúa Lời ở đời này, cho ngày sau được lên thiên đàng.

18 — H. — *Tổ tông loài người ta là ai ?*

T. — Tổ tông loài người ta là ông Adong bà Evà.

ĐOẠN THỨ HAI.

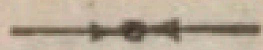
Dạy về sự mầu nhiệm cả trong đạo Đức Chúa Lời.

19 — H — *Có mấy sự mầu nhiệm rất cần phải tin cho được rỗi linh hồn ?*

T. — Có ba sự mầu nhiệm này : một là sự Đức Chúa Lời Ba Ngôi ; hai là sự Ngôi thứ Hai ra đời ; ba là sự Đức Chúa Giêsu chuộc tội cho thiên hạ.

20 — H. — *Vì lẽ nào phải tin những sự mầu nhiệm ấy ?*

T. — Vì chưng Đức Chúa Lời đã phán dạy phải tin như vậy.



ĐIỀU THỨ NHẤT.

Dạy về sự một Đức Chúa Lời Ba ngôi.

21 — H. — *Có nhiều Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Có một Đức Chúa Lời mà thôi.

22 — H. — *Đức Chúa Lời có mấy Ngôi ?*

T. — Đức Chúa Lời có ba Ngôi : Ngôi Nhất là Cha, Ngôi Hai là Con, Ngôi Ba là Thánh Thần.

23 — H. — *Ngôi Nhất, là Cha, có phải Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Phải.

24 — H. — *Ngôi Hai, là Con, có phải Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Phải.

25 — H. — *Ngôi Ba, là Thánh Thần, có phải Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Phải.

26 — H. — *Nếu vậy có phải ba Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Chẳng có, vì ba Ngôi cũng một tính, một phép, vậy có một Đức Chúa Lời mà thôi.

27 — H. — *Ba Ngôi, có Ngôi nào trước, Ngôi nào sau, Ngôi nào hơn, Ngôi nào kém chăng ?*

T. — Ba Ngôi cũng bằng nhau.

Điều thứ Hai.

Dạy về sự Ngôi thứ Hai ra đời.

28 — H. — *Trong ba Ngôi có Ngôi nào ra đời làm người chăng ?*

T. — Ngôi thứ Hai ra đời làm người có xác có linh hồn như ta vậy.

29 — H. — *Ngôi thứ Hai ra đời lấy xác và linh hồn ở đâu ?*

T. — Lấy xác và linh hồn trong lòng rất thánh Đức Bà Maria đồng trinh sạch sẽ.

30 — H. — *Rất thánh Đức Bà đồng trinh sạch sẽ mà chịu thai làm sao ?*

T. — Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà rất thánh Đức Bà chịu thai.

31 — H. — *Rất thánh Đức Bà có phải là mẹ Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Phải, vì rất thánh Đức Bà đã chịu thai và sinh con là Đức Chúa Lời thật, cũng là người thật nữa.

32 — H. — *Rất thánh Đức Bà có được lọn đời đồng trinh sạch sẽ chăng ?*

T. — Có, vì trước sinh con, và đang

khi sinh, cùng sinh đẻ đoạn thì bằng đồng trinh sạch sẽ.

33 — H. — *Vì lẽ nào mà Ngôi thứ Hai ra đời ?*

T. — Vì tội lỗi loài người ta đã mất lòng Đức Chúa Lời, cho nên Ngôi thứ Hai đã ra đời mà lập công chuộc tội.

34 — H. — *Loài người ta đã mắc phải những tội nào ?*

T. — Đã mắc phải tội tổ tông truyền cùng những tội riêng ta làm.

35 — H. — *Tội tổ tông là thế nào ?*

T. — Là tội ông Adong cùng bà Evà chẳng vâng lời Đức Chúa Lời răn, mà truyền tội ấy cho thiên hạ.

36 — H. — *Loài người ta có mắc tội tổ tông truyền hết cả thảy chăng ?*

T. — Có, song le rất thánh Đức Bà vì ơn riêng Đức Chúa Lời chẳng hề mắc tội ấy bao giờ.

37 — H. — *Loài người ta chẳng đền được tội mình ru ?*

T. — Chẳng được, vì tội phạm đến Đức Chúa Lời là Đấng sang trọng vô cùng,

cho nên phải có công nghiệp Đấng trọng vô cùng thì mới đền được mà thôi.

38 — H. — *Vì bằng Ngôi thứ Hai chẳng có lập công chuộc tội, thì ta phải phạt là thế nào?*

T. — Ta phải phạt nhiều cách nặng lắm, mà hình phạt nặng hơn là mất nghĩa cùng Đức Chúa Lời và lìa mặt Người đời đời.

39 — H. — *Ngôi thứ Hai ra đời tên là gì?*

T. — Tên là Giêsu.

40 — H. — *Đức Chúa Giêsu có mấy Ngôi?*

T. — Đức Chúa Giêsu có một Ngôi, là Ngôi thứ Hai mà thôi.

41 — H. — *Đức Chúa Giêsu có mấy tính?*

T. — Đức Chúa Giêsu có hai tính, một là tính Đức Chúa Lời, hai là tính loài người ta.

42 — H. — *Đức Chúa Giêsu sinh ra ngày nào?*

T. — Đức Chúa Giêsu sinh ra nửa đêm, chính ngày gọi là lễ Sinh Nhật Đức Chúa Giêsu.

43 — H. — *Khi Đức Chúa Giêsu còn ở thế gian, thì Người làm những sự gì ?*

T. — Đức Chúa Giêsu làm gương mọi giống phúc đức, và dạy dỗ người ta cho biết đàng rỗi linh hồn, cùng làm nhiều phép lạ cho người ta được tin những lời Người giảng dạy.

ĐIỀU THỨ BA.

Dạy về sự Đức Chúa Giêsu chuộc tội thiên hạ.

44 — H. — *Đến kỳ Đức Chúa Giêsu toan chuộc tội, thì Người chịu những sự nào ?*

T. — Đức Chúa Giêsu phó mình cho quân dữ mà chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá.

45 — H. — *Đức Chúa Giêsu có tội gì mà phải chịu khốn nạn làm vậy ?*

T. — Đức Chúa Giêsu là Đấng rất thánh chẳng hề phạm tội được, song le Người đã muốn chịu khó cho được tỏ ra phép công thẳng Đức Chúa Lời cùng lòng thương yêu loài người ta.

46 — H. — *Đức Chúa Giêsu là Chúa lời đất mà chịu nạn chịu chết làm sao?*

T. — Đức Chúa Giêsu chịu nạn chịu chết về tính loài người ta ; còn về tính Đức Chúa Lời, thì chẳng chịu sự gì khó đâu.

47 — H. — *Đức Chúa Giêsu chịu chết ngày nào?*

T. — Đức Chúa Giêsu chịu chết ngày thứ sáu, gọi là ngày Đức Chúa Giêsu chuộc tội thiên hạ.

48 — H. — *Đức Chúa Giêsu có sống lại chăng?*

T. — Đức Chúa Giêsu chết đoạn được ba ngày liền sống lại.

49 — H. — *Sống lại đoạn, Đức Chúa Giêsu ở đâu?*

T. — Đức Chúa Giêsu còn ở thế gian bốn mươi ngày mà yên ủi dạy dỗ các đầy tớ, cùng sai đi khắp thế giảng đạo.

50 — H. — *Khỏi bốn mươi ngày ấy, Đức Chúa Giêsu đi đâu?*

T. — Đức Chúa Giêsu lên lời.

51 — H. — *Có ngày nào Đức Chúa Giê-su lại xuống thế gian chăng ?*

T. — Đến ngày tận thế lại xuống phán xét thiên hạ.



ĐOẠN THỨ BA.

Dạy về sự chết, sự phán xét riêng, ngày tận thế, sự phán xét chung, sự thiên đàng, luyện ngục, cùng hoả ngục.

52 — H. — *Chết là làm sao ?*

T. — Chết là linh hồn ra khỏi xác.

53 — H. — *Chết đoạn linh hồn có phải hư nát như xác chăng ?*

T. — Chẳng có, vì linh hồn là tính thiêng liêng chẳng hay hư chẳng hay nát.

54 — H. — *Nếu vậy linh hồn đi đâu ?*

T. — Linh hồn phải đến trước toà Đức Chúa Giêsu mà chịu phán xét riêng.

55 — H. — *Linh hồn chịu phán xét về những sự gì ?*

T. — Linh hồn chịu phán xét về tội phúc mình cùng chịu thưởng phạt mặc

đòi việc lành dữ mình đã làm khi còn ở thế gian này.

56 — H. — *Xác người ta có phải hư nát đời đời chăng ?*

T. — Chẳng có, vì đến ngày tận thế lại được hợp cùng linh hồn mình.

57 — H. — *Ngày tận thế là ngày nào ?*

T. — Ngày tận thế là ngày sau hết, từ ngày ấy về sau chẳng còn ai được sống ở đời này nữa.

58 — H. — *Đến ngày ấy Đức Chúa Lời sẽ phân định cho thiên hạ là thế nào ?*

T. — Đến ngày ấy Đức Chúa Lời sẽ khiến lửa đốt cả và thiên hạ, đoạn liền sai thiên thần thổi loa truyền cho các kẻ chết sống lại mà chịu phán xét chung.

59 — H. — *Sống lại đoạn xác kẻ lành cùng xác kẻ dữ có bằng nhau chăng ?*

T. — Chẳng bằng nhau, vì xác kẻ lành thì sáng láng khoẻ mạnh cùng lọn tốt mọi đàng, mà xác kẻ dữ thì tối tăm yếu đuối cùng xấu xa gớm ghiếc.

60 — H. — *Đức Chúa Giêsu đã phán xét*

riêng hết mọi người, còn phán xét chung làm chi nữa ?

T. — Đức Chúa Giêsu có ý tỏ ra cho cả và thiên hạ điều biết phép Đức Chúa Lời công bằng vô cùng, và thêm sự sáng láng vui mừng cho kẻ lành, cùng thêm sự xấu hổ khốn nạn cho kẻ dữ.

61 — H. — *Thiên đàng là thể nào ?*

T. — Thiên đàng là nơi đầy dẫy những sự thanh nhàn vui vẻ đời đời, mà phúc nhất trên thiên đàng là xem thấy mặt Đức Chúa Lời liên.

62 — H. — *Những kẻ nào được lên thiên đàng ?*

T. — Những kẻ sạch mọi tội cùng những kẻ đã đền tội cho đủ mới được lên thiên đàng mà thôi.

63 — H. — *Luyện ngục là làm sao ?*

T. — Luyện ngục là hình phạt kẻ lành còn mắc tội mọn, hay là đền tội chưa đủ.

64 — H. — *Ta có giúp được các linh hồn ở luyện ngục chăng ?*

T. — Cũng được, vì Đức Chúa Lời lòng lành vô cùng tha phép cho ta làm việc lành mà cứu giúp các linh hồn ấy.

65 — H. — *Ta muốn giúp các linh hồn ấy, phải làm đi gì ?*

T. — Phải cầu nguyện, ăn chay, thí của, nhất là xin làm lễ cho các linh hồn ấy.

66 — H. — *Hoả ngục là thể nào ?*

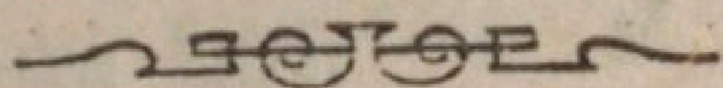
T. — Hoả ngục là chốn đầy những lửa sinh, lửa diêm cùng mọi giống hình khổ để mà phạt ma quỉ cùng những kẻ chết đang khi mắc tội trọng.

67 — H. — *Phạm mấy tội trọng mới đáng sa hoả ngục ?*

T. — Phạm một tội trọng mà thôi, thì đã đủ cho đáng phạt khốn nạn làm vậy.

68 — H. — *Ta có giúp được những kẻ đã sa hoả ngục chăng ?*

T. — Chẳng được, vì chưng kẻ đã sa hoả ngục, thì hằng nghịch cùng Đức Chúa Lời liên, cho nên Đức Chúa Lời hằng phạt nó, chăng hề tha cùng chẳng giảm bớt hình khổ cho những kẻ ấy sốt.



ĐOẠN THỨ BỐN.

Dạy về nghĩa Kinh Tin kính.

69 — H. — *Kinh Tin kính là thế nào?*

T. — Kinh Tin kính là kinh các thánh Tông-đồ đã truyền mà tóm lại mọi sự ta phải tin.

70 — H. — *Trong kinh ấy có mấy điều?*

T. — Có mười hai điều.

ĐIỀU THỨ NHẤT.

Tôi tin kính Đức Chúa Lời
là Cha phép tắc vô cùng dựng nên lời đất.

71 — H. — *Tôi tin kính Đức Chúa Lời, nghĩa là làm sao?*

T. — Nghĩa là tôi tin thật vững vàng có một Đức Chúa Lời mà thôi, chẳng có lẽ nào mà có nhiều Đức Chúa Lời đâu.

72 — H. — *Vì sao chẳng nói rằng: tôi tin có Đức Chúa Lời, mà lại nói rằng: tôi tin kính?*

T. — Vì tin có một Đức Chúa Lời thì chưa đủ, cho nên lại phải xưng rằng : tôi trông cậy và kính mến Đức Chúa Lời cùng dâng mình làm tôi Đức Chúa Lời cho đến lọn đời.

73 — H. — *Lời Cha nghĩa là làm sao?*

T. — Nghĩa là một Đức Chúa Lời có ba Ngôi, mà Ngôi Nhất là Cha.

74 — H. — *Vì ý nào gọi Ngôi Nhất là Cha ?*

T. — Vì trước vô cùng Ngôi Nhất sinh ra Ngôi Hai là Con.

75 — H. — *Phép tắc vô cùng, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là chẳng có sự gì mà Đức Chúa Lời chẳng làm được.

76 — H. — *Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần có phép tắc vô cùng bằng Đức Chúa Cha chăng ?*

T. — Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần cũng có phép tắc vô cùng bằng Đức Chúa Cha, vì ba Ngôi cũng là một Đức Chúa Lời.

77 — H. — *Lời dựng nên lời đất nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là bởi không mà dựng nên mọi sự cho có.

ĐIỀU THỨ HAI.

Tôi tin Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Con một Đ. C. Cha cùng là Chúa chúng tôi.

78 — H. — *Con một Đ. C. Cha, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Ngôi Hai bởi Đức Chúa Cha mà sinh ra, và có một tính cùng Đức Chúa Cha.

79 — H. — *Sao nói rằng : Con một Đức Chúa Cha ?*

T. — Vì có một Ngôi Hai bởi bản tính Đức Chúa Cha mà sinh ra.

80 — H. — *Giêsu nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là đấng hay cứu : mà Đức Chúa Cha đã đặt tên cực trọng ấy cho Đức Chúa Con, vì Con Đức Chúa Lời ra đời cho được cứu hết mọi người thế gian.

81 — H. — *Kirixitô, nghĩa là làm sao?*

T. — Kirixitô nghĩa là chịu xức dầu, cũng là tên chung về đấng tiên tri, cùng đấng có quyền tế lễ và đấng làm vua nữa.

82 — H. — *Nhân sao Kirixitô là tên chung ba đấng ấy?*

T. — Vì chưng trong đạo Đức Chúa Lời quen xức dầu khi phong chức cho ba đấng ấy.

83 — H. — *Đức Chúa Giêsu chịu xức dầu bao giờ mà gọi Người là Kirixitô?*

T. — Đức Chúa Giêsu chẳng chịu xức dầu thế gian bởi tay người ta đâu, song le Người chịu xức dầu thiêng liêng bởi phép Đức Chúa Cha, cùng bởi ơn Đức Chúa Thánh Thần, cho linh hồn Người được gồm phúc lạ, hơn các đấng Đức Chúa Lời sinh ra, cho nên Người biết mọi sự, cùng được quyền tế lễ và làm vua hằng sống hằng trị đời đời.

84 — H. — *Vì sao nói rằng: Chúa chúng tôi?*

T. — Đức Chúa Giêsu là Chúa chúng tôi, vì Người chẳng những là đã sinh ra

ta, cùng gìn giữ ta, mà lại đã chuộc tội cho ta nữa.



ĐIỀU THỨ BA.

Bởi phép Đ C T. Thần mà Người xuống thai sinh bởi Bà Maria đồng trinh.

85 — H. — *Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Thánh Thần đã lấy máu cực sạch trong lòng rất thánh Đức Bà mà dựng nên một xác ; và bởi không lại dựng nên một linh hồn, thì Ngôi thứ Hai liền hợp vuối xác và linh hồn ấy mà nên người thật như ta.

86 — H. — *Mà người xuống thai sinh bởi Bà Maria đồng trinh, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là người nữ rất thánh, tên là Maria, đã chịu thai và sinh đẻ con, đoạn người nữ ấy còn đồng trinh sạch sẽ cho đến lọn đời.



ĐIỀU THỨ BỐN.

Chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô,
chịu đóng đanh trên cây thánh Giá,
chết và táng xác.

87 — H. — *Chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đanh trên cây thánh Giá, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là tôi tin Đức Chúa Giêsu chịu trói, chịu giồ, chịu vả, chịu đòn, chịu đội mão gai, cùng chịu đóng đanh trên cây thánh Giá đời quan Phongxiô Philatô đang trấn thủ xứ Giudêa thay vì vua Roma.

88 — H. — *Cây thánh Giá là đí gì ?*

T. — Cây thánh Giá là hình phạt rất hèn ; vậy Đức Chúa Giêsu đã hạ mình xuống mà chịu hình phạt rất hèn dường ấy vì ta, thì ta càng phải ra sức đội ơn kính mến Người hơn nữa.

89 — H. — *Đức Chúa Giêsu chết, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là linh hồn Người đã lìa khỏi xác như khi mọi người chết vậy.

nhưng mà tính Đức Chúa Lời còn ở cùng xác và linh hồn Đức Chúa Giêsu chẳng lìa khỏi đâu.

90 – H. — *Táng xác, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Giêsu chết đoạn, thì đầy tớ lấy xác Người mà táng trong hang đá.



Điều thứ Năm.

Xuống ngục tổ tông, ngày
thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại.

91 — H. — *Xuống ngục tổ tông, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là linh hồn Đức Chúa Giêsu lìa khỏi xác đoạn, liền xuống nơi linh hồn các thánh phải giam ở dưới đất này, mà trông đợi Đức Chúa Giêsu rước lên thiên đàng.

92 – H. — *Vì lẽ nào linh hồn các thánh phải giam cầm mà đợi trông làm vậy ?*

T. — Vì chưng từ ông Adong phạm tội, thì cửa thiên đàng đóng lại, nếu chẳng có

công nghiệp Chúa cứu thế, thì chẳng ai được lên thiên đành sốt.

93 – H. — *Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Giêsu chết đoạn, ngày thứ ba linh hồn và xác Đức Chúa Giêsu lại hợp cùng nhau mà sống lại ra khỏi hang đá tốt lành.



ĐIỀU THỨ SÁU.

Lên lời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng.

94 — H. — *Lên lời, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là sống lại đoạn, khỏi bốn mươi ngày Đức Chúa Giêsu lấy phép riêng Người mà lên lời.

95 — H. — *Ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Giêsu về tính Đức Chúa Lời cũng một quyền một phép cùng Đức Chúa Cha ; mà về tính người ta thì sang trọng phép tắc hơn các đấng và các loài Đức Chúa Lời đã sinh ra.

ĐIỀU THỨ BẢY.

Ngày sau bởi lời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

96 — H. — *Ngày sau bởi lời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là ngày tận thế Đức Chúa Giêsu ở trên lời sẽ xuống uy nghi sáng láng, mà phán xét, chẳng những kẻ chết đã lâu, mà lại phán xét kẻ còn sống khi Người hiện xuống, vì kẻ ấy, cũng phải chết, đoạn sống lại tức thì mà chịu phán xét nữa.

ĐIỀU THỨ TÁM.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần.

97 — H. — *Tôi tin kính Đ C T. Thần, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là tôi tin Đức Chúa Thánh Thần là ngôi thứ Ba, bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra, cũng một tính một phép cùng hai Ngôi cực trọng ấy nữa.

98 — H. — *Lời Thần nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là tính thiêng liêng.

99 — H — *Ba Ngôi cũng là một tính thiêng liêng, cũng là một đấng rất Thánh, vì lẽ nào mà đặt tên Thánh Thần cho một Ngôi thứ Ba mà thôi ?*

T. — Vì Ngôi thứ Nhất đã có tên riêng là Cha, và Ngôi thứ Hai đã có tên riêng là Con; cho nên dùng tên chung là Thánh Thần mà đặt cho Ngôi thứ Ba.



ĐIỀU THỨ CHÍN.

Tôi tin có Hội thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công.

100 — H. — *Hội thánh, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là các bổn đạo điều hợp làm một cùng nhau mà chịu lụy đấng chính quyền thay mặt Đức Chúa Giêsu.

101 — H. — *Các bổn đạo điều hợp làm một cùng nhau là thể nào ?*

T. — Các bổn đạo điều hợp làm một cùng nhau vì bốn lẽ này : một là các bổn

đạo điều tin như nhau ; hai là dùng những phép mầu nhiệm cũng như nhau ; ba là cầu nguyện chung cho nhau ; bốn là điều chịu lụy Đức Giáo-hoàng là đấng nhất thay mặt Đức Chúa Giêsu.

102 — H. — *Đức Giáo hoàng được quyền thể nào ?*

T. — Người được toàn quyền cai trị cả và Hội-thánh, mà Người truyền hay là cấm điều gì, thì hết mọi người có đạo phải vâng phép Người mới khỏi tội.

103 — H. — *Khi Đức Giáo-hoàng dạy dỗ các bổn đạo, Người có sai lầm chăng ?*

T. – Khi Đức Giáo-hoàng lấy quyền phép Đức Chúa Giêsu đã ban mà chỉ định điều gì, các bổn đạo phải tin, và việc gì nên làm hay là chẳng nên làm, thì Người chẳng hề sai lầm được, vì có ơn Đức Chúa Thánh Thần soi sáng phù hộ cách riêng, như lời Đức Chúa Giêsu đã phán hứa.

104 — H. — *Các bổn đạo mọi nơi có thuộc về một Hội thánh chăng ?*

T. — Phải, vì có một Hội thánh mà thôi.

105 — H. — *Vì sao Hội ấy gọi là Thánh?*

T. — Hội ấy gọi là Thánh vì ba lẽ này: một là vì đấng làm đầu Hội là Đức Chúa Giêsu, là mạch mọi sự thánh; hai là vì lời giảng dạy, cùng những phép Hội-thánh dùng là sự thánh; ba là vì kẻ hợp cùng Hội-thánh mới được nên thánh mà thôi.

106 — H. — *Vì sao Hội-thánh gọi là hằng có ở khắp thế này?*

T. — Vì chưng khắp bốn phương thiên hạ điều có kẻ giữ đạo thánh Đức Chúa Lời, và chẳng có đời nào mà chẳng có kẻ thờ phượng Đức Chúa Lời.

107 — H. — *Các thánh thông công, nghĩa là làm sao?*

T. — Nghĩa là các thánh trên lời cùng các linh hồn ở luyện ngục, và các bổn đạo dưới đất điều thông công vuối nhau.

108 — H. — *Các bổn đạo dưới đất thông công vuối các thánh trên lời là thể nào?*

T. — Các bổn đạo kính thờ cầu xin các thánh, mà các thánh bầu cử cho các bổn đạo trước mặt Đức Chúa Lời.

109 — H. — *Các bổn đạo thông công vuối các linh hồn ở luyện ngục là thể nào?*

T. — Các bổn đạo dâng việc lành phúc đức cầu cho các linh hồn ở luyện ngục, mà các linh hồn ấy khi đã được lên thiên đàng, thì cũng bầu cử cho các bổn đạo nữa.

110 — H. — *Các bổn đạo còn ở thế gian thông công vuối nhau là thể nào?*

T. — Các bổn đạo có lòng kính mến Đức Chúa Lời cùng thương yêu nhau, thì chẳng những lập công cho mình, mà lại làm ích cho kẻ khác nữa.

111 — H. — *Kẻ mắc tội trọng có được thông công thể ấy chăng?*

T. — Kẻ mắc tội trọng đã mất nghĩa cùng Đức Chúa Lời, thì chẳng được thông công thể ấy đâu; song le kẻ còn thuộc về Hội-thánh, thì cậy nhờ việc lành kẻ nhân đức cho được ăn năn lở lại cùng Đức Chúa Lời.



ĐIỀU THỨ MƯỜI.

Tôi tin phép tha tội.

112 — H. — *Tôi tin phép tha tội, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là tôi tin trong Hội-thánh, có nhiều phép Đức Chúa Giêsu đã lập để mà tha tội cho ta.

ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT.

Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại.

113 — H. — *Xác loài người ngày sau sống lại, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là bao nhiêu người đã chết từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế, điều sẽ sống lại cùng một xác cũ mình mà chịu phán xét.

ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI.

Tôi tin hằng sống vậy.

114 — H. — *Tôi tin hằng sống vậy, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là sống lại đoạn linh hồn và xác ke lành sẽ lên thiên đàng hưởng phúc thanh nhàn vui vẻ vô cùng ; còn linh hồn vả xác kẻ dữ sẽ xuống hoả ngục chịu phạt khốn nạn đời đời kiếp kiếp.



PHẦN THỨ HAI.

Dạy về những phép trọng hơn trong đạo thánh Đức Chúa Lời, gọi là bảy phép Bí-tích.

ĐOẠN THỨ NHẤT.

Dạy lẽ chung về những phép trọng hơn trong đạo thánh Đức Chúa Lời.

115 — H. — *Có mấy phép trọng hơn trong đạo thánh Đức Chúa Lời ?*

T. — Có bảy phép trọng hơn Đức Chúa Giêsu đã lập.

116 — H. — *Đức Chúa Giêsu đã lập những phép ấy là thế nào?*

T. — Đức Chúa Giêsu đã lấy những dấu bề ngoài mà chỉ cùng sinh ơn thiêng liêng trong linh hồn kẻ chịu phép ấy nên, và truyền phải dùng những phép trọng ấy cho đến tận thế.

117 — H. — *Bảy phép trọng ấy là những phép nào ?*

T. — Bảy phép trọng ấy : một là phép Rửa tội ; hai là phép Thêm sức ; ba là phép Minh thánh Chúa ; bốn là phép Giải tội ; năm là phép Xức dầu thánh ; sáu là phép Truyền chức thánh ; bảy là phép Hôn phối.

118 — H. — *Có mấy phép được chịu một lần mà thôi ?*

T. — Có ba phép này : một là phép Rửa tội ; hai là phép Thêm sức ; ba là phép Truyền chức thánh ; vì ba phép ấy điều in dấu thiêng liêng trong linh hồn chẳng hay mất.

119 — H. — *Có mấy phép làm cho kẻ có tội trọng lại được nghĩa cùng Đ C. Lời ?*

T. — Có hai phép này : một là phép Rửa tội ; hai là phép Giải tội. Còn các phép khác thì kẻ có nghĩa cùng Đức Chúa Lời mới nên chịu mà thôi.

120 — H. — *Bấy nhiêu phép ấy làm ích cho ta bởi công nghiệp ai ?*

T. — Bởi công nghiệp vô cùng Đức Chúa Giêsu.

121 — H. — *Hội-thánh khi làm bảy phép đã nói trước này lại thêm nhiều lễ phép khác nữa, thì có ý nào ?*

T. — Hội-thánh có ý cho ta được biết bấy nhiêu phép ấy là sự rất trọng rất thánh, cho nên ta phải có lòng cung kính và sốt mến mà chịu những phép ấy cho xứng đáng, chẳng nên lấy làm thường làm dễ.

ĐOẠN THỨ HAI.

Dạy về phép Rửa tội.

122 — H. — *Phép Rửa tội là đí gì ?*

T. — Là phép làm cho ta khỏi tội tổ tông truyền mà nên con cái Đức Chúa Lời cùng nên con cái Hội-thánh nữa.

123 — H. — *Phép Rửa tội có được tha tội khác nữa chăng ?*

T. — Kẻ đã đến tuổi khôn mà chịu

phép ấy nên, thì những tội mình làm trước điều được khỏi hết.

124 — H. — *Phép Rửa tội có tha phần phạt ta đáng chịu vì tội riêng mình làm chăng ?*

T. — Cũng tha hết phần phạt ấy nữa.

125 — H. — *Phép Rửa tội có tha hết phần phạt ta đáng chịu vì tội tổ tông truyền chăng ?*

T. — Có tha phần phạt đời sau vô cùng, song chẳng tha những sự khốn khó đời này bởi tội tổ tông mà ra.

126 — H. — *Kẻ đã đến tuổi khôn phải có mấy sự cho được chịu phép Rửa tội nên ?*

T. — Phải có ba sự này : một là phải thật lòng muốn chịu phép Rửa tội ; hai là phải tin các điều cần phải tin cho được rỗi linh hồn ; ba là phải ăn năn tội và dốc lòng chừa cho thật.

127 — H. — *Những điều cần phải tin cho được rỗi linh hồn là những điều gì ?*

T. — Là hai điều này : một là phải tin có một Đức Chúa Lời sẽ thưởng kẻ lành

trên thiên đàng và sẽ phạt kẻ dữ trong hoả ngục ; hai là tin ba sự mầu nhiệm cả trong đạo Đức Chúa Lời.

128 — H. — *Ai được làm phép Rửa tội ?*

T. — Chính lẽ thì một đấng có quyền mới được làm phép ấy mà thôi ; song le khi cần kíp thì ai ai cũng phải làm, cho nên các bổn đạo phải học cho biết làm phép ấy kẻo thiệt linh hồn người ta.

129 — H. — *Kẻ toan rửa tội phải có ý thể nào ?*

T. — Phải có ý làm phép ấy như thói Hội-thánh quen làm.

130 — H. — *Phải rửa tội thể nào ?*

T. — Phải lấy nước lã đổ trên đầu kẻ chịu phép Rửa tội, mà cũng một trật ấy và đổ nước và đọc rằng : **Tao rửa mày nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần.**

131 — H. — *Nước nào là nước lã nên lấy mà làm phép Rửa tội ?*

T. — Nước lã là nước nguyên chẳng có pha đi gì vào, như nước biển, nước sông, nước giếng, nước mưa.

132 — H. — *Bao giờ chẳng được đổ nước trên đầu, phải làm thế nào?*

T. — Phải chọn nơi nào trọng hơn trong xác, mà đổ nước nơi ấy.

133 — H. — *Phép rửa tội buộc ta làm những sự gì?*

T. — Phép Rửa tội buộc ta phải giữ đạo Đức Chúa Giêsu truyền, mà bỏ ma quỉ cùng mọi sự dối trá nó bày đặt.

134 — H. — *Bỏ ma quỉ là thế nào?*

T. — Bỏ ma quỉ là xưng ra tỏ tường ta chẳng dám theo ý nó nữa, một vâng phép cùng theo thánh ý Đức Chúa Giêsu mà thôi.

135 — H. — *Những sự dối trá ma quỉ bày đặt là những sự gì?*

T. — Là những lẽ cùng những thói trái nghịch thế gian và các giống tội loi.

136 — H. — *Phép Rửa tội có phải là phép rất cần cho được rỗi linh hồn chăng?*

T. — Là phép rất cần, cho nên dù kẻ mới sinh mặc lòng, nếu chẳng chịu phép Rửa tội, thì chẳng được rỗi linh hồn.

137 — H. — *Khi chẳng được chịu phép*

Rửa tội, còn có lẽ nào khác cho được rỗi linh hồn chăng ?

T. — Cũng có, như các trẻ tử vì đạo, dù chẳng chịu phép Rửa tội, thì cũng được rỗi linh hồn. Còn những kẻ đã khôn lớn có chịu tử vì đạo hay là kính mến Đức Chúa Lời hết lòng hết sức mà ước ao chịu phép Rửa tội, thì cũng được rỗi linh hồn nữa.

Đoạn thứ Ba

Dạy về phép Thêm sức.

138 — H. — *Phép Thêm sức là đí gì ?*

T. — Là phép làm cho ta được chịu lấy Đức Chúa Thánh Thần cùng nhiều ơn thêm sức cho ta mạnh tin mà xưng đạo thánh Đức Chúa Lời ra trước mặt thiên hạ, thà chết chẳng thà bỏ đạo.

139 — H. — *Đức Chúa Thánh Thần là Đấng nào ?*

T. — Đức Chúa Thánh Thần là Ngôi thứ Ba, cũng là Đức Chúa Lời thật.

140 — H. — *Ai được làm phép này ?*

T. — Có một đấng Giám-mục là đấng chính quyền được làm phép này mà thôi ; song le thày cả nào có phép riêng Đức Giáo-hoàng ban cho, thì cũng được làm phép này nữa.

141 — H. — *Đấng làm phép này thì làm những sự gì ?*

T. — Người dâng lời cầu ngnyện và để tay trên đầu kẻ chịu phép, đoạn xức dầu thánh trên trán, cùng đọc lời chỉ những sự lành bởi phép này mà ra.

142 — H. — *Vì ý nào làm dấu thánh Giá mà xức trên trán ?*

T. — Có ý cho ta lấy thánh Giá làm trọng và mừng vì Đức Chúa Giêsu đã dùng thánh Giá mà chuộc tội cho ta.

143 — H. — *Đấng làm phép vả mặt một cái nhẹ vậy, điều ấy có ý làm sao ?*

T. — Có ý dạy ta phải sẵn lòng mà chịu mọi sự khốn khó vì đạo, cho được bắt chước Đức Chúa Giêsu đã chịu giồ chịu vả vì ta.

144 — H. — *Cho được dọn mình mà chịu phép này nên, phải làm mấy sự ?*

T. — Phải làm ba sự này : một là ở cho sạch tội ; hai là thuộc ba sự mầu nhiệm cả trong đạo và kinh Tin kính, kinh Lạy Cha, kinh Mười điều răn ; ba là có lòng ước ao muốn chịu phép này lắm.

145 — H. — *Kẻ chẳng chịu phép này còn được rỗi linh hồn chăng ?*

T. — Còn được rỗi linh hồn ; song le ai chẳng muốn chịu bởi vì khinh dể hay là làm biếng trê nải, thì phạm tội và mất những ơn trọng bởi phép này mà ra.

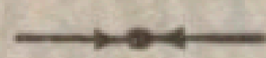
146 — H. — *Kẻ mắc tội trọng mà chịu phép này có được ích gì chăng ?*

T. — Chẳng được ích gì, lại thêm tội rất trọng phạm đến Đức Chúa Thánh Thần.



ĐOẠN THỨ BỐN

Dạy về phép Mình thánh Chúa.



ĐIỀU THỨ NHẤT.

Dạy về phép Mình thánh Chúa là thể nào.

147 — H. — *Phép Mình thánh Chúa là đi gì ?*

T. — Là phép rất mầu nhiệm có thật Mình thánh Máu thánh và linh hồn Đức Chúa Giêsu cùng tính Đức Chúa Lời ngự trong hình bánh và hình rượu.

148 — H. — *Đức Chúa Giêsu đã lên lời ngự bên hữu Đức Chua Cha, mà lại ngự trong hình bánh hình rượu làm sao ?*

T. — Đức Chúa Giêsu ngự trên lời và ngự trong hình bánh hình rượu nữa ; dù mà con mắt thịt ta xem chẳng thấy sự gì lạ mặc lòng, song le đã có lời Đức Chúa Giêsu phán và Hội-thánh truyền, thì phải tin thật như vậy.

149 — H. — *Hình bánh là hình nào ?*

T. — Hình bánh là hình tròn cùng sắc trắng và mùi ngon.

150 — H. — *Chịu lễ là chịu đí gì ?*

T. — Chịu lễ là chịu Mình thánh Máu thánh và linh hồn Đức Chúa Giêsu cùng tính Đức Chúa Lời ngự trong hình bánh.

151 — H. — *Chịu lễ có chịu bánh chăng ?*

T. — Chịu lễ chẳng có chịu bánh, vì khi thày cả làm lễ nửa mùa mà đọc lời

Đức Chúa Giêsu đã truyền, thì bánh liền lở nên Mình thánh Đức Chúa Giêsu.

152 — H. — *Bởi phép ai mà bánh lở nên Mình thánh, và rượu lở nên Máu thánh Đức Chúa Giêsu làm vậy ?*

T. — Bởi lời phép tắc vô cùng Đức Chúa Giêsu phán truyền, mà thày cả đọc lời ấy thay mặt Đức Chúa Giêsu đoạn, tức thì tính bánh liền lở nên Mình thánh, và tính rượu liền lở nên Máu thánh Đức Chúa Giêsu.

153 — H. — *Đức Chúa Giêsu truyền phép nào ngày nào ?*

T. — Đức Chúa Giêsu truyền phép này là ngày thứ năm trước ngày chịu nạn.

154 — H. — *Đức Chúa Giêsu truyền phép này thể nào ?*

T. — Đức Chúa Giêsu cầm lấy bánh miếng mà phán cùng các đầy tớ rằng : Này là Mình tao, bay hãy chịu lấy mà ăn ; lại cầm lấy chén rượu nho mà phán rằng : Này là Máu tao, bày hãy chịu lấy mà uống. Đoạn Đức Chúa Giêsu dạy các đầy tớ phải làm phép này mà nhớ đến Người.

155 — H. — *Trong hình bánh có Mình thánh Đức Chúa Giêsu mà thôi, hay là cũng có Máu thánh nữa chăng ?*

T. — Trong hình bánh cũng có Máu thánh, và trong hình rượu cũng có Mình thánh nữa.

156 — H. — *Khi vẽ hình bánh có vẽ Mình thánh Đức Chúa Giêsu ra chăng ?*

T. — Chẳng có vẽ Mình thánh Đức Chúa Giêsu ra đâu, vì Đức Chúa Giêsu đã sống lại đoạn, thì chẳng có lẽ nào mà vẽ mình Người được nữa.

157 — H. — *Khi thày cả vẽ hình bánh ra nhiều phần, trong mỗi một phần nhỏ ấy có lót Mình thánh Đức Chúa Giêsu chăng ?*

T. — Có lót Mình thánh Đức Chúa Giêsu như trong hình bánh lớn vậy.



ĐIỀU THỨ HAI.

Dạy về những ích trọng bởi chịu lễ mà ra.

158 — H. — *Những kẻ chịu lễ có được chịu Mình thánh Đức Chúa Giêsu cả thảy chăng ?*

T. — Kẻ chịu lễ cũng được chịu Mình thánh Đức Chúa Giêsu cả ; song le kẻ mắc tội trọng, thì chẳng được ích gì, mà lại thêm tội rất nặng lắm.

159 — H. — *Kẻ chịu lễ nên thì được những ích nào ?*

T. — Được bốn ích trọng này : một là được hợp làm một cùng Đức Chúa Giêsu như một linh hồn và một xác vậy ; hai là được ơn Đức Chúa Lời giúp sức mà giữ sự sống linh hồn, là giữ nghĩa cùng Đức Chúa Lời ; ba là được bớt tính mê tội lỗi và ngăn cấm các nết xấu ; bốn là được giữ lấy ơn Đức Chúa Giêsu ngự trong lòng như của cầm cho ngày sau được sống lại sáng láng tốt lành cùng hằng sống vậy.



Điều thứ Ba.

Dạy về sự dọn mình chịu lễ.

160 — H. — *Phải dọn mình chịu lễ là thế nào ?*

T. — Phải dọn linh hồn và xác.

161 — H. — *Phải dọn linh hồn là thể nào?*

T. — Phải xét mình hoặc có tội gì trọng, thì phải ăn năn cùng xưng tội ấy, và có lòng tin, cậy, kính mến cùng khiêm nhường, và ước ao chịu Mình thánh Đức Chúa Giêsu hết lòng hết sức.

162 — H. — *Phải dọn xác là thể nào?*

T. — Phải giữ lòng không từ nửa đêm cho đến khi chịu lễ, chẳng nên ăn uống của gì ; phải rửa mặt, rửa tay cùng súc miệng và ăn mặc sạch sẽ.

163 — H. — *Khi súc miệng nếu lỡ mà nuốt một hai hạt nước vào, còn được chịu lễ chăng?*

T. — Cũng được.

164 — H. — *Kẻ liệt chịu lễ như của ăn đàng có phải giữ lòng không chăng?*

T. — Kẻ liệt chịu lễ như của ăn đàng, thì chẳng phải giữ lòng không vì Hội-thánh đã tha.

165 — H. — *Khi vào chịu lễ phải làm thể nào?*

T. — Phải làm bốn sự này : một là phải

đi nghiêm trang, chẳng nên trông ngang trông ngửa ; hai là phải quì lên và một tay cầm khăn để dưới cổ, một tay cầm khăn giơ ra ngoài cho bằng phẳng ; ba là hả miệng ra cho vừa phải, lưỡi thì đưa ra khỏi hàm răng dưới ; bốn là khi thày cả đưa Mình thánh Đức Chúa Giêsu vào rồi, thì ngậm miệng lại mà nuốt đi.

ĐIỀU THỨ BỐN.

Dạy về sự phải làm khi chịu lễ đoạn.

166 — H. — *Chịu lễ đoạn phải làm đi gì ?*

T. — Phải thờ lạy Đức Chúa Giêsu ngự thật trong lòng ta, cùng đội ơn Đức Chúa Giêsu và dâng cùng cầu xin.

167 — H. — *Phải đội ơn Đức Chúa Giêsu vì những sự gì ?*

T. — Phải đội ơn Đức Chúa Giêsu vì mọi sự lành đã ban cho ta xưa nay, nhất là vì Người đã thương ta là kẻ rốt hèn mà chẳng nề phó mình cho ta làm vậy.

168 — H. — *Phải dâng những sự gì cho Đức Chúa Giêsu ?*

T. — Phải dâng linh hồn và xác, cùng những sự ta lo tưởng, lời nói, việc làm, sự khó nhọc ta phải chịu và mọi sự trong ngoài ta, thì phải dâng cho Đức Chúa Giêsu hết thay thảy.

169 — H. — *Ta phải xin những sự gì cùng Đức Chúa Giêsu ?*

T. — Phải xin những sự ta thiếu thốn về phần linh hồn cùng về phần xác.

170 — H. — *Ta có phải xin cho kẻ khác nữa chăng ?*

T. — Cũng phải xin cho kẻ khác nữa : nhất là xin cho cha mẹ họ hàng bạn hữu, lại xin cho kẻ nghịch vuối ta, cùng cầu cho kẻ sống và kẻ chết.

171 — H. — *Ngày chịu lễ phải làm thế nào ?*

T. — Phải năng đọc kinh cầu nguyện cùng làm việc lành phúc đức hơn ngày khác.



Điều thứ Năm.

Dạy về phép tế lễ cực trọng, gọi là lễ Misa.

172 — H. — *Lễ Misa là lễ thế nào?*

T. — Là lễ Đức Chúa Giêsu dâng mình xác và linh hồn cùng tính Đức Chúa Lời trong tay thày cả tế lễ trên bàn thờ mà nhắc lại lễ Đức Chúa Giêsu đã dâng mình trên cây thánh Giá xưa.

173 — H. — *Lễ Misa có phải một lễ Đức Chúa Giêsu đã dâng trên cây thánh Giá chăng?*

T. — Cũng thật là một lễ, vì là một của lễ và một thày tế lễ; song le khác hai sự này: một là vì xưa có một mình Đức Giêsu làm thày tế lễ dâng mình trên cây thánh Giá, mà rầy Người dùng tay thày cả dâng mình tế lễ trên bàn thờ; hai là vì xưa Đức Chúa Giêsu có đổ máu mình ra, mà rầy chẳng còn đổ ra nữa.

174 — H. — *Khi ta xem lễ Misa phải có ý thế nào?*

T. — Phải có bốn ý này : một là cho được thờ phượng Đức Chúa Lời cùng xưng ra Người là Chúa cả cai trị mọi sự ; hai là cho được tạ ơn Đức Chúa Lời vì mọi sự lành đã xuống cho ta ; ba là xin Đức Chúa Lời tha tội cho ta ; bốn là xin Đức Chúa Lời phù hộ cho ta được giữ đạo nên.

175 — H. — *Khi xem lễ phải giữ phép là thể nào ?*

T. — Phải ở nghiêm trang ăn mặc sạch sẽ, cầm trí lại, giục lòng tin, cậy, kính mến, mà hợp một ý cùng thày cả trong các việc người làm ; người cầu nguyện thể nào, thì hợp một ý mà cầu nguyện như vậy.

176 — H. — *Có nên dâng lễ Misa mà tế rất thánh Đức Bà hay là thánh nào chăng ?*

T. — Chẳng nên ; vì sự tế lễ là dấu riêng kính thờ một Đức Chúa Lời mà thôi.

ĐOẠN THỨ NĂM.

Dạy về phép Giải tội.

177 — H. — *Phép Giải tội là đí gì ?*

T. — Là phép tha những tội ta đã phạm từ ngày chịu phép Rửa tội về sau.

178 — H. — *Khi nào ta được chịu phép Giải tội ?*

T. — Khi ta xưng tội mà thày cả giải tội cho ta.

179 — H. — *Cho được chịu phép Giải tội nên phải làm mấy sự ?*

T. — Phải làm năm sự này : một là xét mình cho kĩ ; hai là lo buồn ăn năn vì đã lỗi nghĩa cùng Đức Chúa Lời ; ba là dốc lòng chừa chẳng còn dám phạm tội nữa ; bốn là xưng hết các tội cùng thày cả ; năm là đền tội.



ĐIỀU THỨ NHẤT.

Dạy về sự xét mình.

180 — H. — *Sự xét mình là làm sao ?*

T. — Là lo đi nhớ lại cho tường tận những tội ta đã phạm từ ngày chịu phép Giải tội lần sau hết.

181 — H. — *Phải làm thể nào cho được xét mình nên ?*

T. — Trước hết phải cầu xin cùng Đức Chúa Lời soi sáng mở lòng cho ta biết tội mà ghét nó, đoạn phải suy ta đã lo sự gì, nói lời gì, làm việc gì phạm mười điều răn Đức Chúa Lời cùng sáu điều răn Hội thánh ; hay là ta đã phạm tội nào trong bảy mối tội đầu cùng những việc đấng bậc ta phải làm mà đã bỏ chẳng làm.

182 — H. — *Phải làm đi gì cho dễ xét mình hơn nữa ?*

T. — Phải suy ta đã ở chốn nào, ở cùng ai, làm nghề nghiệp gì cùng mê tính xấu nào.



ĐIỀU THỨ HAI.

Dạy về sự ăn năn tội.

183 — H. — *Sự ăn năn tội là làm sao ?*

T. — Là lo buồn, phàn nàn, trách mình vì những tội ta đã phạm.

184 — H — *Phải có mấy sự cho được ăn năn tội nên ?*

T. — Phải có bốn sự này : một là lo buồn trong lòng cho thật ; hai là lo buồn ghét tội bởi ơn Đức Chúa Thánh Thần giúp sức cho ; ba là lo buồn ghét hết các tội, nhất là tội trọng ; bốn là lo buồn ghét tội trên hết mọi sự ghét.

185 — H. — *Vì sao phải lo buồn trong lòng ?*

T. — Vì tội thì bởi trong lòng mà ra, cho nên lòng ta phải lo buồn ghét tội cho thật.

186 — H. — *Vì sao phải lo buồn bởi ơn Đức Chúa Thánh Thần giúp sức cho ?*

T. — Vì chưng ta là kẻ hèn hạ yếu đuối nếu chẳng có ơn Đức Chúa Thánh Thần giúp sức cho, thì chẳng được ăn năn tội nên.

187 — **H.** — *Vì sao phải lo buồn ghét hết các tội, nhất là tội trọng ?*

T. — Vì chưng nếu còn một tội nào trọng mà chẳng lo buồn chẳng ghét, thì chẳng được khỏi tội nào sốt.

188 — H. — *Vì sao phải lo buồn ghét tội trên hết mọi sự ghét.*

T. — Vì chưng chẳng có sự gì độc dữ xấu xa cho bằng sự tội.

189 — H. — *Kẻ lo buồn ghét tội vì tội làm cho mình phải tai vạ mất của cải hay là ốm đau, có được gọi là kẻ ăn năn tội nên chăng ?*

T. — Chẳng được, vì kẻ ăn năn tội thể ấy, là ăn năn vì lẽ xác thịt, chẳng phải vì lẽ trong đạo Đức Chúa Lời đâu.

190 — H. — *Ăn năn tội vì lẽ trong đạo nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là lo buồn ghét tội vì tội khinh dể mất lòng Đức Chúa Lời, cùng làm cho ta mất phúc thiên đàng, lại phải khốn cực đời sau, hay là vì lẽ nào khác bởi nhân đức tin soi sáng cho ta.

191 — **H.** — *Có mấy cách ăn năn tội ?*

T. — Có hai cách : một là ăn năn tội cách lọn ; hai là ăn năn tội cách chẳng lọn.

192 — H. — *Ăn năn tội cách lọn là thể nào ?*

T. — Ăn năn tội cách lọn là lo buồn ghét tội, vì tội phạm đến Đức Chúa Lời là Đấng rất tốt lành và đáng kính mến vô cùng.

193 — H. — *Ăn năn tội cách chẳng lọn là thể nào »*

T. — Ăn năn tội cách chẳng lọn là lo buồn ghét tội vì tội là sự xấu xa làm cho ta mất phúc trên thiên đàng cùng phải phạt trong hoả ngục.

194 — H. — *Ăn năn tội cách lọn thì được những ích nào ?*

T. — Được ích trọng lắm, vì kẻ ăn năn thể ấy và ước ao xưng tội, dù mà chẳng kịp xưng tội mặc lòng, thì cũng được khỏi tội tức thì.

195 — H. — *Kẻ ăn năn tội cách chẳng lọn có được khỏi tội như làm vậy chăng ?*

T. — Chẳng được : có một khi lo buồn ghét hết các tội vì lẽ trong đạo Đức Chúa Lời cùng dốc lòng chừa cho thật và trông cậy Đức Chúa Lời tha tội cho mà chịu phép Giải tội, thì mới được khỏi tội.

196 — H. — *Phải suy những lẽ nào mà giục lòng ta ăn năn tội ?*

T. — Phải suy ba lẽ này : một là suy vốn Đức Chúa Lời rất nhân lành vô cùng hằng làm ơn cho ta liên, mà ta vô nhận bội nghĩa làm nghịch cùng Đức Chúa Lời dường ấy ; hai là suy bởi tội ta cho nên Đức Chúa Giêsu đã phải chịu mọi sự khốn nạn cùng đổ hết máu mình ra mà chết trên cây thánh Giá ; ba là suy bởi tội cho nên ta đáng sa hoả ngục chịu mọi hình khổ vô cùng, lại mất phần vui vẻ thiên đàng đời đời.



ĐIỀU THỨ BA.

Dạy về sự dốc lòng chừa.

197 — H. — *Sự dốc lòng chừa có phải sự cần chăng ?*

T. — Là sự rất cần vì kẻ chẳng dốc lòng chừa thì chẳng được lòng ăn năn tội thật, cho nên phạm tội nặng lắm.

198 — H. — *Vì sao nói rằng : phạm tội nặng lắm ?*

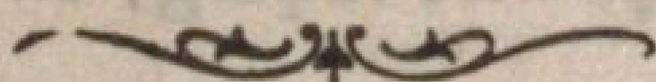
T. — Vì chưng nó cười nhạo Đức Chúa Lời cùng khinh dể phép Giải tội và làm cho Máu thánh Đức Chúa Giêsu ra vô ích cho nó.

199 — H. — *Có dấu nào cho được biết ta đã dốc lòng chừa thật chăng ?*

T. — Có dấu này, là khi ta đã sửa mình lại, bỏ nết xấu thói cũ mà ăn ở như người mới vậy.

200 — H. — *Cho được giữ lòng vững vàng mà chừa dứt tội lỗi, thì phải làm mấy sự ?*

T. — Phải làm ba sự này : một là cầu xin cùng Đức Chúa Lời phù hộ giúp sức cho ta kẻo còn phạm tội nữa ; hai là ra sức chống lả tính xấu thói cũ ; ba là lánh những sự mở đàng cho ta mắc tội lỗi.



ĐIỀU THỨ BỐN.

Dạy về sự xưng tội.

201 — H. — *Sự xưng tội là làm sao ?*

T. — Là cáo mọi tội lỗi ta cùng thày cả có phép giải tội.

202 — H. — *Vì sao nói rằng : cáo mọi tội lỗi ta ?*

T. — Vì chưng phải lấy lòng thật mà tỏ mọi tội ra, chẳng nên thêm, bớt, nói quanh quéo hay là chữa mình mà đổ tội cho kẻ khác, cùng chẳng nên kể truyện vô ích.

203 — H. — *Kẻ đã xét mình cho đủ, song vì sảng sót quên tội trọng không xưng vuối thày cả, có được chịu phép Giải tội nên và được khỏi tội chăng ?*

T. — Cũng được khỏi tội. Song le lần sau xưng tội có nhớ tội trọng ấy, thì phải xưng ra mới xóng mình mà thôi.

204 — H. — *Kẻ xưng tội mà có ý giấu một tội trọng mà thôi có khỏi tội chăng ?*

T. — Chẳng được khỏi tội nào sốt, mà lại thêm một tội rất trọng, là làm hư phép Giải tội.

205 — H. — *Ai đã giấu tội làm vậy, thì phải liệu làm sao ?*

T. — Trước hết phải xưng mình đã giấu tội, cùng xưng tội đã giấu ấy, và các tội đã xưng trước khi còn lòng gian mà biết mình đã giấu tội, thì mới được khỏi.

206 — H. — *Kẻ xưng tội đã giấu làm một vuối tội khác mà chẳng thưa sự mình đã giấu tội ấy, có đủ chăng ?*

T. — Chẳng đủ, vì chẳng tỏ ra tội rất trọng, là phạm đến sự thánh.

207 — H. — *Còn có khi nào phải xưng lại những tội đã xưng chăng ?*

T. — Còn có nhiều khi phải xưng lại, như khi xét mình chẳng kĩ mà quên tội nặng, hay là đã xưng hết tội mặc lòng, song le chẳng ăn năn tội nên, và khi muốn xưng tội chung.

208 — H. — *Bao giờ phải xưng tội chung ?*

T. — Có nhiều lần phải xưng tội chung, nhất là khi toan chịu lễ lần trước hết.

209 — H. — *Xưng các tội trống vậy có đủ chăng ?*

T. — Chẳng đủ, phải xưng một tội đã phạm là mấy lần, cùng tỏ những sự làm cho tội ấy ra nặng hơn hay là ra giống tội khác nữa.

120 — H. — *Khi ta quì gối trước mặt thày cả, thì phải làm thế nào?*

T. — Phải làm dấu thánh Giá xin người làm phép cho mà rằng : Lạy cha, xin cha làm phép cho tôi vì tôi là kẻ có tội ; đoạn sấp mình xuống đọc kinh Cáo mình cho đến nơi : lỗi tại tôi.

211 — H. — *Rồi phải làm thế nào ?*

T — Phải quì lên mà tỏ ra mình xưng tội đã bao lâu nay, lần trước đã được chịu phép Giải tội hay là không, vì lẽ nào mà mình chẳng được chịu phép Giải tội, cùng phải nói có được chịu lễ hay là chăng, việc đền tội đã làm rồi hay là chưa : nói bấy nhiêu điều đoạn, thì phải cứ từng điều trong mười sự răn cùng sáu sự răn mà xưng tội mình ra, chớ đợi thày cả hỏi.

212 — H. — *Hoặc có tội nào khó xưng, thì phải làm thế nào ?*

T. — Phải ép mình mà xưng tội ấy trước hết.

213 — H. — *Khi đã xưng tội rồi, phải làm thế nào ?*

T. — Phải thưa rằng : Ấy là bấy nhiêu tội tôi nhớ được ; còn các tội khác tôi quên hay là chẳng biết, tôi muốn xưng cả, xin cha xét tôi có đáng ăn mày phép Giải tội, thì xin cha làm phép cho tôi ; rồi sấp mình xuống đọc kinh Cáo mình từ nơi : lỗi tại tôi, cho đến hết.

214 — H. — *Đọc hết kinh Cáo mình đoạn, phải làm thế nào ?*

T. — Phải có ý nghe lời thày cả khuyên bảo, mà người dạy đền tội thế nào, thì phải vâng như vậy, và đang khi người giải tội cho, thì phải ăn năn tội hết lòng hết sức.

215 — H. — *Vi bằng thày cả đoán ta chưa đáng chịu phép Giải tội, thì phải làm thế nào ?*

T. — Phải vâng mà dốc lòng sửa mình lại và làm mọi việc người đã dạy cho đáng chịu phép Giải tội, cũng phải nhớ ngày người đã hẹn mà lở lại xưng tội vuối người.

216 — H. — *Khi chẳng được gặp thày cả đã hẹn ta lần trước, thì phải làm thể nào ?*

T. — Phải tìm thày cả khác mà xưng tội mới cùng người đã. đoạn sẽ xưng các tội mình đã phạm từ ngày chịu phép Giải tội lần sau hết.

217 — H. — *Khi chẳng biết thật thày cả có giải tội hay là chăng, thì phải làm thể nào ?*

T. — Phải xưng các tội mình đã phạm từ ngày chịu lễ lần sau hết, vì bao giờ thày cả đã cho chịu lễ, ấy là dấu thật người đã giải tội cho.



ĐIỀU THỨ NĂM.

Dạy về sự đền tội.

218 — H. — *Sự đền tội là làm sao ?*

T. — Là chịu phạt mình mà tạ ơn Đức Chúa Lời.

219 — H. — *Lấy đi gì mà chịu phạt mình cùng tạ ơn Đức Chúa Lời ?*

T. — Lấy bốn sự này : một là sự thày cả dạy ta đền tội ; hai là những việc lành ta làm thêm mà đền tội ; ba là những sự khốn khó thánh ý Đức Chúa Lời cho ta chịu mà ta chịu bằng lòng đền vì tội ; bốn là những phép rộng, gọi là ân xá, đấng bề-trên ban mà tha hay là bớt phần phạt đã đáng chịu vì tội.

220 — H. — *Vậy có mấy thứ ân xá ?*

T. — Có hai thứ : một là đại xá, là ơn tha hết hình phạt ta đáng chịu vì tội đã phạm ; hai là tiểu xá, là ơn tha một phần hình phạt ấy mà thôi.

221 — H. — *Việc thày cả dạy đền tội có nên giãn ra lâu ngày chăng ?*

T. — Kẻ nào làm biếng mà giãn ra làm vậy thì có tội.

222 — H. — *Ai đã được ăn mày phép rộng đấng bề-trên ban, còn phải làm những việc thày cả dạy đền tội chăng ?*

T. — Còn phải làm như vậy ; chẳng làm thì có tội, vì đấng bề-trên chẳng có ý tha những việc đền tội ấy đâu.

223 — H. — *Phải đền tội thế nào ?*

T. — Phải đền cho xứng những tội ta đã phạm.

224 — H. — *Những việc đền tội tóm lại mấy sự ?*

T. — Tóm lại bốn sự này : một là ăn chay ; hai là đọc kinh cầu nguện ; ba là làm phận làm phúc ; bốn là những việc khác có sức giúp ta cho được chừa tội đã quen phạm.

225 — H. — *Những tội ta đền đời này chăng đủ, đời sau thế nào ?*

T. — Đời sau phải đền chẳng khỏi.

226 — H. — *Chịu phạt mình mà tạ ơn Đức Chúa Lời có đủ chăng ?*

T. — Chẳng đủ, ví bằng ta đã làm thiệt hại ai sự gì, thì phải đền và tạ người ấy nữa mới đủ.

ĐOẠN THỨ SÁU.

Dạy về phép Xức dầu thánh.

227 — H. — *Phép Xức dầu thánh là đí gì ?*

T. — Là phép giúp kẻ liệt về phần linh hồn cùng về phần xác nữa.

228 — H. — *Kẻ liệt chịu phép này nên, thì được những ích nào ?*

T. — Được ba ích trọng này : một là được sức mạnh trong linh hồn mà chống lả các chước ma quỉ cùng được vững lòng bớt sợ hãi sự chết ; hai là được khỏi dấu vết tội còn trong linh hồn, và khi đã quên sót tội nào, thì cũng được khỏi tội ấy nữa ; ba là được khoẻ lại về phần xác, khi sự khoẻ ấy có làm ích cho kẻ liệt.

229 — H. — *Phải dọn minh chịu phép này là thể nào ?*

T. — Ví bằng có mắc tội nào trọng thì phải xưng cho sạch, mà hoặc xưng chẳng được thì phải ra sức ăn năn tội cùng làm dấu gì xin thày cả giải tội cho, lại giục lòng tin, cậy, kính mến, cùng dâng mình cho Đức Chúa Lời.

230 — H. — *Khi thày cả xức dầu thánh, người cầu nguyện thể nào ?*

T. — Người cầu xin Đức Chúa Lời lòng lành vô cùng tha các tội lỗi kẻ liệt đã phạm bởi con mắt xem, tai nghe, mũi ngửi, miệng ăn nói, và chân đi, tay làm.

231 — H. — *Đang khi ấy bổn đạo phải cầu nguyện thể nào ?*

T. — Phải cầu nguyện cho kẻ liệt được chịu phép này nên, cùng phải suy sự khoẻ mạnh phần xác chẳng bền : vậy phải chừa bỏ tội lỗi và làm việc lành cho sẵn, chớ đợi khi ốm đau mới liệu, kẻo chẳng kịp chăng.

232 — H. — *Có nên đợi đến cơn hấp hối mới chịu phép này chăng ?*

T. — Chẳng nên, vì khi còn tỉnh mà dọn mình chịu phép này thì được ích hơn ; vậy khi thấy bệnh đã ra nặng thì phải liệu cho kíp.

233 — H. — *Kẻ liệt chịu phép này đoạn, phải làm thể nào ?*

T. — Phải tạ ơn Đức Chúa Lời vì đã thương mà cho mình chịu phép trọng dường ấy, cùng phải dọn mình qua khỏi đời này mà về đời sau hưởng phúc trên thiên đàng.



ĐOẠN THỨ BẢY.

Dạy về phép Truyền chức thánh.

234 — H. — *Phép Truyền chức thánh là đí gì ?*

T. — Là phép phong chức cho đấng làm thày được giữ việc trong Hội-thánh cùng được ơn riêng mà làm việc về bậc mình cho nên.

235 — H. — *Ai có phép truyền chức thánh ?*

T. — Đức Chúa Giêsu có phép ấy, mà Người đã ban chức cho các đầy tớ cả cùng dạy đầy tớ lại phải truyền chức cho kẻ khác nữa.

236 — H. — *Khi các đầy tớ Đức Chúa Giêsu qua đời đoạn, còn có ai được truyền chức nữa chăng ?*

T. — Đấng nối quyền đầy tớ cả Đức Chúa Giêsu cũng được truyền chức nữa, mà trong Hội-thánh có đấng nối quyền cực trọng ấy mãi cho đến tận thế.

237 — H. — *Chính đấng nối quyền đầy tớ cả Đức Chúa Giêsu là đấng nào ?*

T. — Là đấng Giám-mục. Vậy đấng ấy truyền chức cho các thày cả, cùng là chính đấng làm phép Thêm sức, và người thay quyền các thánh Tông-đồ mà chăn giữ con chiên Đức Chúa Giêsu.

238 — H. — *Đấng làm thày cả là đấng nào ?*

T. — Đấng làm thày cả cũng là đấng rất trọng, vì được quyền tế lễ cùng giải tội và làm nhiều phép khác nữa.

239 — H. — *Các đấng khác được làm những việc nào ?*

T. — Các đấng khác được quyền giúp việc tế lễ cùng tùy đấng bậc mình mà làm việc coi sóc bổn đạo.

240 — H. — *Bổn đạo có phải kính các đấng các bậc trong Hội-thánh chăng ?*

T. — Dù mà các đấng ấy cũng là người phàm hèn mặc lòng, song le bổn đạo phải kính vì là sứ Đức Chúa Lời cùng là cha phần linh hồn mình ; vậy khi các đấng ấy dạy sự gì phải lẽ, thì phải vâng như vâng quyền Đức Chúa Giêsu vậy.

ĐOẠN THỨ TÁM.

Dạy về phép Hôn-phối.

241 — H. — *Phép Hôn-hối là đí gì ?*

T. — Là phép ban ơn cho hai người nam nữ kết bạn nên vợ chồng mà ở cùng nhau cho đẹp lòng Đức Chúa Lời.

242 — H. — *Phép Hôn-phối này có buộc nhặt phải cứ một vợ một chồng chăng ?*

T. — Buộc nhặt, vì đầu hết Đức Chúa Lời đã dựng nên một người nam một người nữ cho được làm bạn cùng nhau, mà đến sau Đức Chúa Giêsu đã nhắc lại sự ấy và buộc nhặt phải cứ một vợ một chồng mà thôi.

243 — H. — *Hai người đã nên vợ chồng thật có được rẫy bỏ nhau mà kết bạn cùng kẻ khác chăng ?*

T. — Chẳng được, vì Đức Chúa Giêsu đã cấm sự ấy nhặt lắm ; vậy kẻ nào cả lòng rẫy bỏ nhau mà lấy người khác, và kẻ nào kết bạn cùng vợ chồng thể ấy điều lỗi phép Hôn-phối, là tội trọng lắm.

244 — H. — *Vì ý nào mà Đức Chúa Giêsu buộc điều ấy nhặt làm vậy ?*

T. — Vì Đức Chúa Giêsu muốn cho vợ chồng giữ phép công bằng và đồng lòng thương yêu coi sóc con cái ; lại bởi vì hai bên đã biết mình chẳng lìa bỏ nhau được, thì càng ra sức nhịn nhục cùng giúp nhau hơn nữa.

245 — H. — *Kẻ lấy vợ chồng phải có ý nào ?*

T. — Phải có ý vâng phép Đức Chúa Lời mà lấy nhau ; một là cho được giúp nhau phần hồn phần xác ; hai là cho được sinh con cái mà thêm nhiều kẻ thờ phượng Đức Chúa Lời ở đời này cùng thêm nhiều người thánh chầu chực Đức Chúa Lời trên thiên đàng.

216 — H. — *Kẻ toan kết bạn cùng nhau phải làm thể nào ?*

T. — Phải làm ba sự này : một là cầu xin cùng Đức Chúa Lời soi sáng cho biết thánh ý Đức Chúa Lời có định cho mình kết bạn chăng ; hai là xin Đức Chúa Lời mở lòng cho mình biết nên kết bạn vuối người nào ; ba là bàn việc này cùng kẻ khôn ngoan, mà trước hết phải lo liệu

cùng cha mẹ và đấng coi sóc linh hồn mình.

247 — H. — *Cha mẹ có nên ép con cái lấy vợ chồng chăng ?*

T. — Chẳng nên, vì Đức Chúa Lời chẳng có ban quyền cho cha mẹ được ép con cái trong việc này đâu.

248 — H. — *Ai muốn chịu phép này nên, thì phải làm những sự gì ?*

T. — Khi có tìm được thày cả, thì phải xưng tội cùng xin người xét có đáng ăn mày phép cưới chăng.

249 — H. — *Nếu chẳng được gặp thày cả, thì phải làm thể nào ?*

T. — Phải kêu van cùng Đức Chúa Lời cho được lòng ăn năn tội nên, rồi giao hứa vuối nhau trước mặt ít là hai người làm chứng, đoạn mới được về cùng nhau.

250 — H. — *Ví bằng ngày sau được gặp thày cả, thì phải làm thể nào ?*

T. — Phải xin người xét lại có sự gì ngăn trở chăng, mà người dạy làm sao thì vâng như vậy.

251 — H. — *Kẻ lấy nhau trộm vụng*

chẳng xin thày cả làm phép khi có thể mà xin được, và chẳng được hai người làm chứng, có phạm tội gì chăng ?

T. — Kẻ lấy nhau trộm vụng làm vậy chẳng những là phạm tội rất trọng, mà lại không thành vợ chồng trước mặt Đức Chúa Lời.

252 — H. — *Kẻ đã lấy vợ chồng rồi, phải ở cùng nhau thể nào cho đẹp lòng Đức Chúa Lời ?*

T. — Phải làm bốn sự này : một là hoà thuận thương yêu nhau ; hai là ra sức giữ nghĩa vợ chồng cùng nhau ; ba là giúp đỡ nhau ; bốn là khi đã có con cái, thì phải nuôi nấng xem sóc cùng dạy dỗ nó cho siêng năng cần mẫn.



Phần thứ Ba.

Dạy về mười điều răn Đức Chúa Lời cùng sáu điều răn Hội-thánh và sự tội cùng những sự dữ bởi tội mà ra.



Đoạn thứ Nhất.

Dạy về mười điều răn Đức Chúa Lời.

253 — H. — *Chịu phép Rửa tội cùng tin đạo thánh Đức Chúa Lời có đủ cho được lên thiên đàng chăng ?*

T. — Chẳng đủ, vì ai đã đến tuổi khôn thì phai giữ mười điều răn Đức Chúa Lời cùng sáu điều răn Hội-thánh nữa.

254 — H. — *Mười điều răn tóm lại mấy sự ?*

T. — Tóm lại hai sư này : một là [kính mến Đức Chúa Lời ; hai là thương yêu người ta.

255 — H. — ***Mấy điều răn chỉ về kính mến Đức Chúa Lời, mấy điều răn chí về thương yêu người ta ?***

T. — Ba điều răn trước chỉ về kính mến Đức Chúa Lời, bảy điều răn sau chỉ về thương yêu người ta.

256 — H. — *Ai truyền mười điều răn cho loài người ta ?*

T. — Hễ người nào sinh ra thì Đức Chúa Lời đã in mười điều răn trong lòng kẻ ấy, gọi là đạo tự nhiên ; song le bởi nhiều người hay quên chẳng cứ, thì Đức Chúa Lời lại thích trên hai bia đá mà truyền cho tổ tông dân Giudêu xưa.



ĐIỀU RĂN THỨ NHẤT.

Thờ phượng một Đức Chúa Lời
và kính mến Người trên hết mọi sự.

257 — H. — *Điều răn thứ nhất dạy phải giữ mấy sự ?*

T. — Điều răn thứ nhất dạy phải giữ bốn sự này : một là tin, hai là cậy, ba là kính mến, bốn là thờ phượng Đức Chúa Lời.

258 — H. — *Nhân đức tin là đi gì ?*

T. — Là ơn Đức Chúa Lời ban cho ta được tin thật những lời Đức Chúa Lời phán cùng Hội-thánh truyền.

259 — H. — *Vì sao ta phải tin những lời Đức Chúa Lời phán ?*

T. — Vì Đức Chúa Lời là Đấng sáng láng vô cùng chẳng hay sai lầm, cũng là Đấng thật thà vô cùng chẳng hề dối được.

260 — H. — *Vì sao ta phải tin những lời Hội-thánh truyền ?*

T. — Vì Đức Chúa Giêsu đã phán hứa Người sẽ ở cùng đầy tớ cho đến tận thế, cho nên Hội-thánh truyền sự gì thì sự ấy rất thật chẳng sai.

261 — H. — *Những sự cần hơn phải tin là những sự gì ?*

T. — Là những sự này : một là tin có một Đấng cội rễ dựng nên lời đất hay thưởng phạt vô cùng, mà Đấng ấy có ba Ngôi, Ngôi Nhất là Cha ; hai là tin Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Ngôi thứ Hai, Con một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi, Người đã ra đời và chịu nạn chịu chết vì ta nữa ; ba là tin Đức Chúa Thánh

Thần là Đức Chúa Lời Ngôi thứ Ba, cùng tin Hội-thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công cùng trong Hội-thánh có nhiều phép tha tội cho ta, và xác thịt ta này chết đoạn ngày sau sẽ được sống lại cùng hằng sống vậy.

262 — H. — *Tội phạm đến nhân đức tin có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể này : một là chẳng tin mọi sự Hội-thánh truyền, như kẻ chưa có đạo và kẻ rối đạo ; hai là kẻ có đạo vì sợ sự khốn khó phần xác hay là hổ thẹn mà chối đạo ; ba là kẻ có ý hồ nghi sự gì trong phép đạo ; bốn là làm biếng chẳng muốn học những sự phải biết cho được rỗi linh hồn.

263 — H. — *Nhân đức cậy là đí gì ?*

T. — Là ơn làm cho ta được trông cậy vững vàng Đức Chúa Lời sẽ ban sức mạnh mà giữ đạo nên ở đời này và ngày sau được lên thiên đàng.

264 — H. — *Vì sao ta phải trông cậy những sự ấy ?*

T. — Ta phải trông cậy vì Đức Chúa Lời phép tắc vô cùng lòng lành vô cùng

đã phán hứa những sự ấy cho ta vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu.

265 — H. — *Ta có phải trông cậy Đức Chúa Lời ban của đời này nữa chăng?*

T. — Phải, vì Đức Chúa Lời là chính Đấng có phép ban của ấy cho ta, song le ta phải trông cậy cùng xin của ấy cho được rỗi linh hồn mà thôi.

266 — H. — *Tội phạm đến nhân đức cậy có mấy thể?*

T. — Có bốn thể này; một là ngã lòng chẳng trông cậy Đức Chúa Lời tha tội cho mà chẳng chịu lở lại: hai là trông cậy quá lẽ mà giãn ra chẳng lở lại cho kíp; ba là cậy sức mình mà liều mình phạm tội cùng ngờ rằng muốn lở lại ăn năn tội bao giờ thì được bấy giờ; bốn là chẳng cậy Đức Chúa Lời một cậy sức riêng mình cùng cậy sức người thế gian, và khi gặp sự gì chẳng vừa ý mình liền buồn quá cùng cả lòng kêu trách Đức Chúa Lời.

267 — H. — *Nhân đức kính mến là đi gì?*

T. — Là ơn trọng nhất làm cho ta kính mến Đức Chúa Lời trên hết mọi sự cùng thương yêu người ta bằng mình vì Đức Chúa Lời.

268 — H. — *Vì sao ta phải kính mến Đức Chúa Lời ?*

T. — Vì ba lẽ này : một là vì Đức Chúa Lời là Đấng tốt lành vô cùng ; hai là vì Đức Chúa Lời hằng xuống muôn ơn cho ta : ba là vì Đức Chúa Lời khiến ta kính mến Người cho khỏi mọi sự dữ và được mọi sự lành.

269 — H. — *Kính mến Đức Chúa Lời trên hết mọi sự nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là lấy Đức Chúa Lời làm hơn của cải, hơn cha mẹ, hơn mình, cùng thà chết chẳng thà mất lòng Đức Chúa Lời.

270 — H. — *Vì sao ta phải thương yêu người ta ?*

T. — Vì hai lẽ này : một là vì đạo tự nhiên dạy phải thương yêu kẻ thuộc về một loài cùng mình ; hai là vì đã có lời Đức Chúa Lời răn dạy phải thương yêu người ta bằng mình ta vậy.

271 — H. — *Đức Chúa Giêsu có dạy sự gì riêng về nhân đức thương yêu người ta chăng ?*

T. — Đức Chúa Giêsu đã phán dạy rằng : Nếu chúng bay có lòng thương yêu nhau, thì mọi người mới biết chúng bay là đầy tớ Tao mà chớ.

272 — H. — *Thương yêu người ta bằng mình nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là những sự gì ta chẳng muốn kẻ khác làm cho ta, thì ta đừng làm những sự ấy cho kẻ khác ; còn những sự nào ta muốn kẻ khác làm cho ta, thì ta cũng phải ra sức làm những sự ấy cho kẻ khác nữa.

273 — H. — *Kẻ chẳng lấy cùng chẳng cầm và chẳng làm thiệt hại của người ta, có đủ cho được gọi là kẻ đã giữ nhân đức thương yêu người ta chăng ?*

T. — Chẳng đủ, mà lại phải giúp kẻ thiếu thốn về phần linh hồn cùng phần xác nữa.

274 — H. — *Kẻ có của mà chẳng làm phúc cho kẻ khó khăn có tội chăng ?*

T. — Có tội, vì chưng Đức Chúa Giêsu đã phán rằng : ai chẳng làm phúc cho ke khó khăn, thì như chẳng làm phúc cho Người vậy ; nhân vì sự ấy tội này là giống tội nặng đáng phạt đời đời.

275 — H. — *Có phải thương yêu những kẻ nghịch dữ cùng ta chăng ?*

T. — Có, vì Đức Chúa Giêsu đã phán dạy tỏ tường làm vậy, cho nên ta phải thương yêu những kẻ ấy cùng làm ơn và cầu cho nó, thì mới được làm con Cha cả còn dủ lòng thương kẻ nghịch cùng Người.

276 — H. — *Tội phạm đến nhân đức kính mến có mấy thể ?*

T. — Có ba thể này : một là giận ghét Đức Chúa Lời ; hai là yêu mến sự gì hơn hay là bằng Đức Chúa Lời ; ba là ghen ghét thù oán và chẳng thương giúp người ta.

277 — H. — *Có phải năng giục lòng tin, cậy, kính mến chăng ?*

T. — Càng năng giục lòng tin, cậy, kính mến hơn, thì càng được phúc hơn ; song

le kẻ mới có trí khôn, cùng kẻ dọn mình chịu phép nào, và khi ma quỉ cám dỗ cùng đến giờ chết, thì càng phải ra sức tin, cậy, kính mến hơn nữa.

278 — H. — *Sự thờ phượng là đi gì ?*

T. — Là ơn Đức Chúa Lời ban cho ta hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Lời mà xưng ra có một Đức Chúa Lời là đầu cội rễ cùng là Chúa cả cai trị mọi sự, thì ta phải thờ lạy Đức Chúa Lời cùng kính các đấng thuộc về Đức Chúa Lời cách riêng và những sự về thờ phượng Đức Chúa Lời nữa.

279 — H. — *Có nên thờ phượng rất thánh Đức Bà cùng các thánh bằng Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Chẳng nên, một phải kính rất thánh Đức Bà cùng các thánh vì là đấng đã có công trọng làm tôi ngay đẹp lòng Đức Chúa Lời mà chớ.

280 — H. — *Rất thánh Đức Bà cùng các thánh có được ban ơn cho ta chăng ?*

T. — Chẳng được, vì có một Đức Chúa Lời là chính Đấng ban ơn cho ta mà thôi.

281 — H. — *Nếu vậy ta cầu cùng rất thánh Đức Bà và các thánh có ý nào ?*

T. — Có ý cầu cùng rất thánh Đức Bà và các thánh bầu cử mà xin ơn Đức Chúa Lời cho ta.

282 — H. — *Có phải kính những ảnh Đức Chúa Giêsu cùng rất thánh Đức Bà và các thánh chăng ?*

T. — Phải, vì những ảnh ấy nhắc lại cho ta được nhớ công nghiệp Đức Chúa Giêsu cùng rất thánh Đức Bà và các thánh ; song le ta chẳng nên tin ảnh ấy nguyên có phép riêng mà phù hộ cho ta đâu.

283 — H. — *Phạm tội về sự thờ phượng có mấy thề ?*

T. — Có ba thề này : một là tội vô phép cùng Đức Chúa Lời ; hai là tội thờ dõng dài ; ba là tội thờ dối trá.

284 — H. — *Tội vô phép cùng Đức Chúa Lời là thề nào ?*

T. — Là khi có ý tưởng sự gì, nói lời gì, làm việc gì phạm đến Đức Chúa Lời hay là rất thánh Đức Bà cùng các thánh,

và khi bỏ đọc kinh hay là đọc chẳng nên, cùng làm hư phép thánh và khinh dể những đồ thờ phượng, hay là khinh dể những kẻ đã dâng mình cho Đức Chúa Lời cách riêng, như kẻ đã chịu phép cắt tóc, cùng những kẻ đã khấn trọng thề trong dòng.

285 — H. — *Tội thờ dông dài là thể nào ?*

T. — Là thờ trái thói trái phép cùng trái ý Hội-thánh ; như khi thờ phượng Đức Chúa Lời những cách lạ Hội-thánh chẳng quen dùng, hay là đọc kinh nào pha những lời quấy quá, và khi cậy những đồ nguyên chẳng có phép tắc gì mà làm ích cho ta, cùng đoán sự may rủi bởi nghe thấy hay là gặp sự gì vốn chẳng có phép tắc nào sốt.

286 — H. — *Tội thờ dối trá là thể nào ?*

T. — Là thờ đấng nào loài nào bằng Đức Chúa Lời, cùng làm hay là giúp việc gì về đàng dối trá, và cầu khẩn vuối ma quỉ cho được làm ích hay là làm hại người ta, cùng cậy những phù phép cho được biết sự kín sự xa cùng sự chưa đến.

287 — **H.** — *Có nên giúp tiền của cho anh em vô đạo làm giỗ chạp chăng ?*

T. — **Chẳng nên, vì đưa tiền của cho người ta làm giỗ, thì ra như cậy người ta làm việc rối thay mình vậy.**

288 — H. — *Có nên đi ăn giỗ cùng đám ma vuối kẻ ngoại đạo chăng ?*

T. — **Dù người ta cho ăn của không cúng mặc lòng, thì chẳng nên ngồi chung vuối kẻ ngoại đạo mà ăn giỗ bao giờ, kẻo thông công việc rối kẻ ấy làm : còn đám ma thì cứ sự thường cũng không nên ăn chung vuối kẻ ngoại đạo, vì liều mình mắc rối cách nào chăng.**

ĐIỀU RĂN THỨ HAI.

Chớ kêu tên Đức Chúa Lời vô cớ.

289 — H. — *Thề là đi gì ?*

T. — **Thề là lấy tên Đức Chúa Lời làm chứng lời mình nói có thật như vậy.**

290 — H. — *Thề mà lấy tên Đức Chúa Lời làm chứng có mấy cách ?*

T, — Có hai cách : một là lấy tên Đức Chúa Lời làm chứng tỏ tường ; hai là lấy tên lời đất và những sự khác làm chứng cũng là như lấy tên Đức Chúa Lời vậy.

291 — H. — *Lấy tên lời đất cùng những sự khác mà thề , sao gọi là như lấy tên Đức Chúa Lời vậy ?*

T. — Vì chưng lời là như toà Đức Chúa Lời ngự và đất như ghế dưới chân Đức Chúa Lời vậy, còn những sự khác điều thuộc về quyền phép Đức Chúa Lời thay thảy.

292 — H. — *Thề thật là đi gì ?*

T, — Là khi có lòng ngay cùng nói thật mà thề.

293 — H. — *Thề dối là đi gì ?*

T. — Là khi mình có lòng gian cùng nói dối mà thề.

294 — H. — *Thề dông dài là đi gì ?*

T. — Là thề khi chưa xét sự mình thề có thật hay là chăng.

295 — H. — *Có bao giờ nên thề chăng ?*

T. — Khi nào có sự thật, sự trọng, sự cần, cùng cứ phép đạo mà thề, thì nên.

296 — H. — *Phạm tội về sự thề có mấy cách ?*

T. — Có sáu cách này : một là thề gian ; hai là thề thật khi chẳng có sự trọng sự cần ; ba là thề dông dài ; bốn là thề sự chẳng nên ; năm là lấy tên bụt thần ma quỉ mà thề ; sáu là bắt người ta thề trái lẽ, cùng kẻ giúp việc gì về sự thề trái lẽ làm vậy.

297 — H. — *Kẻ thề làm sự chẳng nên có phải giữ lời đã thề ấy chăng ?*

T. — Chẳng phải giữ ; vì kẻ thề làm vậy, thì đã phạm tội, mà nếu lại làm như lời đã thề, thì lại phạm tội khác nữa.

298 — H. — *Còn tội nào về điều răn này nữa chăng ?*

T. — Còn ba giống tội này nữa : một là khinh dể tên Đức Chúa Lời cùng rất thánh Đức Bà và các thánh ; hai là kêu những tên cực trọng ấy vô ý vô tứ, như khi nói truyện trò mà chẳng có lòng kính ; ba là chẳng giữ lời đã khấn hứa.



ĐIỀU RĂN THỨ BA.

Giữ ngày chủ nhật.

299 — H. — *Điều răn thứ ba dạy giữ ngày nào ?*

T. — Điều răn thứ ba dạy giữ ngày đã chỉ mà thờ phượng Đức Chúa Lời.

300 — H. — *Ngày đã chỉ mà thờ phượng Đức Chúa Lời là ngày nào ?*

T. — Đời trước đã chỉ ngày thứ bảy, vì Đức Chúa Lời dựng nên muôn loài trong sáu ngày, mà đến ngày thứ bảy chẳng còn dựng nên loài nào khác nữa, thì như nghỉ ngơi vậy ; song le từ các thánh tông đồ về sau, thì đã chỉ ngày thứ nhất.

301 — H. — *Vì sao đã chỉ ngày thứ nhất ?*

T. — Vì Đức Chúa Giêsu chịu nạn chịu chết đoạn, đã sống lại ngày thứ nhất mà nghỉ ngơi đời đời.

302 — H. — *Cho được giữ ngày nhất lễ lạy phải làm thế nào ?*

T. — Phải làm việc lành phúc đức mà thờ phượng Đức Chúa Lời ; nhất là đi xem lễ khi có lễ mà đi được.

303 — H. — *Ngày nhất lễ lạy có nên làm việc về phần xác chăng ?*

T. — Chẳng nên ; bằng có sự gì cần, thì phải xin phép đấng bề-trên khi có thể mà xin được, đoạn mới nên làm.

304 — H. —*Đấng bề-trên có được tha phép làm việc xác hết các ngày lễ quanh năm chăng ?*

T. — Chẳng được, vì có sáu ngày lễ cả Toà-thánh chẳng ban quyền cho đấng bề-trên được tha phép làm việc xác : một là lễ Phục Sinh, hai là lễ Đức Chúa Giêsu lên lời ; ba là lễ Hiện xuống ; bốn là lễ Đức Bà lên lời ; năm là lễ Các Thánh ; sáu là lễ Sinh Nhật Đức Chúa Giêsu.

305 — H. — *Những ngày lễ bề-trên được quyền tha phép làm việc xác, thì được tha thể nào ?*

T. — Được tha thể này, là những bổn đạo khó khăn có muốn làm việc ngày lễ cả, thì phải xin phép thày cả, ít là một

năm một lần, người mới tha phép làm cả ngày, song vốn buộc phải xem lễ, bằng không xem lễ được, thì phải đọc kinh bù, vì Toà-thánh dạy như vậy ; còn những kẻ đủ ăn mặc cùng con cái đầy tớ trong nhà, thì phải kiêng việc phần xác cho lọn, chẳng có đấng nào được quyền tha nữa.

306 — H. — *Kinh bù là kinh nào ?*

T. — Là lần hạt năm chục.

307 — H. — *Kinh bù có buộc nhặt phải đọc chăng ?*

T. — Buột nhặt.

308 — H. — *Kẻ đã xem lễ được, có buộc phải đọc kinh bù nữa chăng ?*

T. — Chẳng buộc.

309 — H. — *Ngày lễ ai không xem lễ được, nếu không làm việc xác, có buộc phải đọc kinh bù chăng ?*

T. — Chẳng buộc.

310 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thề ?*

T. — Có bốn thề này : một là làm biếng chẳng đi xem lễ, hay là chẳng cho vợ con

đầy tớ đi : hai là trễ nải chẳng đi đọc kinh chung cùng các bổn đạo và chẳng làm việc lành trong ngày ấy hơn ngày khác ; ba là kẻ đã đủ ăn mặc khi chẳng có sự gì vội cần mà làm việc xác hay là bắt vợ con đầy tớ làm ; bốn là dùng ngày ấy mà phạm tội như kẻ mê ăn uống chơi bời, cùng những tội khác như vậy.

ĐIỀU RĂN THỨ BỐN.

Thảo kính cha mẹ.

311 — H. — *Điều răn thứ bốn dạy con cái phải làm mấy sự ?*

T. — Điều răn thứ bốn dạy con cái phải làm bốn sự này : một là kính, hai là mến, ba là vâng lời chịu lụy, bốn là giúp đỡ cha mẹ.

312 — H. — *Kính cha mẹ là làm sao ?*

T. — Là giữ lòng khiêm nhường tôn kính người vì là đấng bề trên thay mặt Đức Chúa Lời.

313 — H. — *Mến cha mẹ là làm sao ?*

T. — Là ước ao cho cha mẹ được mọi

sự lành và nhớ công ơn người sinh ra ta, cùng phải làm hết sức cho được lả nghĩa trọng ấy chẳng dám tiếc sự gì cùng người.

314 — H. — *Vâng lời chịu lụy cha mẹ là làm sao ?*

T. — Là bao giờ cha mẹ dạy bảo những sự lành, thì phải lấy lòng vui mừng mà vâng tức thì cùng làm y như lời người dạy, thì mới phải đạo kẻ làm con.

315 — H. — *Giúp đỡ cha mẹ là làm sao ?*

T. — Là lo liệu cho người phần hồn phần xác đang khi người còn sống và khi người đã qua đời.

316 — H. — *Phạm tội về sự kính có mấy thể ?*

T. — Có ba thể này : một là khinh dể cha mẹ trong lòng cùng lấy người làm hèn ; hai là nói lời kiêu ngạo, cãi lả, mắng mỏ chửi rủa cùng tỏ sự lỗi người ra ; ba là ăn ở vô phép ngỗ nghịch cùng làm dấu nọ dấu kia tỏ ra lòng khinh dể người.

317 — H. — *Phạm tội về sự mến có mấy thể ?*

T. — Có hai thể này : một là ghét cha mẹ, và khi thấy người phải sự gì khó thì cả lòng lấy làm mừng ; hai là mến người vì xác thịt của cải cùng vì lẽ hèn khác, mà chẳng mến người vì Đức Chúa Lời dạy.

318 — H. — *Phạm tội chẳng vâng lời chịu lụy cha mẹ có mấy thể ?*

T. — Có ba thể này : một là chẳng cứ ý cha mẹ dạy sự gì phải lẽ, hay là vâng lời bề ngoài mà trong lòng buồn giận ; hai là chậm chạp ngần ngại, lần lữa ; ba là bỏ việc nửa mùa chẳng làm cho lọn.

319 — H. — *Phạm tội chẳng giúp đỡ cha mẹ có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể này : một là về phần xác khi cha mẹ còn sống mà để người đói rách, ốm đau chẳng cho ăn mặc cùng chẳng tìm thuốc thang cho người ; hai là về phần linh hồn chẳng cầu nguyện cho người, và khi người liệt lào chẳng liệu cho người được chịu các phép trong đạo, cùng chẳng năng thăm viếng yên ủi, nhất là khi rình sinh thì ; ba là khi đã sinh thì

đoạn chang cứ phép trong đạo mà cất xác người ; bốn là chang làm việc lành phúc đức mà giúp linh hồn người, cùng chẳng cứ lời người đã lối.

320 — H. — *Điều răn này dạy con cái phải thảo kính cha mẹ mà thôi ru ?*

T. — Cũng dạy kẻ bề dưới phải thảo kính các đấng bề trên về phần linh hồn cùng về phần xác, vì các đấng ấy là như cha mẹ ta vậy.

321 — H. — *Điều răn này có dạy cha mẹ phải coi sóc con cái chăng ?*

T. — Cũng dạy cha mẹ phải coi sóc con cái, vì cha mẹ bỏ con cái chẳng xem sao thì là bỏ chính việc về đấng bậc mình.

322 — H. — *Cha mẹ phải làm mấy sự mà coi sóc con cái cho nên ?*

T. — Phải làm bốn sự này : một là phải lo liệu những sự cần cho con cái, hai là thương yêu, ba là dạy dỗ, bốn là sửa phạt con cái.

323 — H. — *Cha mẹ chẳng lo liệu những sự cần cho con cái phạm tội có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể này : một là kẻ có thai

chẳng hay giữ mình, cho nên hư con hay là nó mắc phải bệnh nọ tật kia ; hai là khi sẩy con chẳng xem kĩ cho biết nó sống hay là chết, cùng chẳng liệu cho nó chịu phép Rửa tội cho kíp, hay là khi chưa đủ một năm mà để nó nằm cùng mình, cho nên liều mình đè nó chết, và khi còn bé để cho nó sa lửa sa nước ; ba là khi con cái đã khôn lớn mà để cho nam nữ nằm làm một vuối nhau, cùng bỏ nó đói khát rách rưới, hay là bán nó cho kẻ ngoại đạo, và chẳng dạy cho biết nghề nghiệp làm ăn cùng chẳng sắm của gì cho nó về sau ; bốn là khi con cái đã nên kết bạn mà chẳng liệu cho nó, hay là chẳng cứ phép đạo.

324 — H. — *Cha mẹ chẳng thương yêu con cái phạm tội mấy thề ?*

T. — Phạm tội ba thề nay : một là chẳng yêu con cái cho bằng nhau ; hai là chẳng yêu con cái vì Đức Chúa Lời cho nó được rỗi linh hồn về sau, một yêu nó vì ích riêng mình cùng về phần xác ở đời này mà thôi : ba là cha mẹ ghét con cái

phần xác thì bỏ, phần linh hồn cũng chẳng xem sao ?

325 — H. — *Cha mẹ chẳng dạy dỗ con cái phạm tội mấy thể ?*

T. — Phạm tội ba thể này : một là chẳng dạy dỗ con cái cho biết làm việc lành phúc đức cùng chẳng cho nó đi học những lẽ cần trong đạo ; hai là dạy con cái về đàng tội lỗi cùng bắt đi học những sự làm dịp tội lỗi cho nó ; ba là làm gương xấu cho con cái học đòi, như khi mình nói lời gì, cùng lam việc gì trái phép Đức Chúa Lời dạy, hay là bỏ việc lành mình phải làm, mà con cái bắt chước cũng bỏ như vậy.

326 — H. — *Cha mẹ chẳng sửa phạt con cái phạm tội mấy thể ?*

T. — Phạm tội bốn thể này : một là dong nết xấu con cái chẳng sửa phạt hay là phạt nhẹ quá ; hai là bênh lấy cùng khen tội lỗi nó ; ba là sai khiến con cái làm sự lỗi ; bốn là giận dữ chửi rửa con cái, hay là phạt nó quá lẽ chẳng cứ phép công bằng.


BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

327 — H. — *Điều răn này có dạy các đấng bề trên phải coi sóc kẻ bề dưới chăng?*

T. — Cũng dạy các đấng bề-trên phải coi sóc kẻ bề dưới. Vậy vua chúa phải coi sóc dân sự, chồng phải coi sóc vợ, chúa nhà phải coi sóc đầy tớ : bấy nhiêu đấng ấy phải coi sóc kẻ thuộc về mình hầu bằng cha mẹ phải coi sóc con cái vậy.



ĐIỀU RĂN THỨ NĂM.

Chớ giết người.

328 — H. — *Điều răn thứ năm cấm những sự gì ?*

T. — Điều răn thứ năm cấm lấy ý riêng mà giết kẻ khác cùng giết mình.

329 — H. — *Điều răn này còn cấm điều gì nữa chăng ?*

T. — Còn cấm sự lòng động lòng lo, miệng nói, mình làm mà chỉ làm hại xác và linh hồn người ta.

330 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể này : một là buồn giận ghen ghét trong lòng cùng lo toan làm

ại mình hay là kẻ khác ; hai là nói lời mất lòng cùng chửi rủa, xỉ vả, diếc dóc và nói lời nào mở đàng cho người ta phạm tội, hay là xui giục sai khiến kẻ khác làm hại người ta ; ba là đập đánh reo kẹp và giết người ta trái phép công bằng, hay là giết mình, cùng làm gương xấu cho kẻ khác hư đi ; bốn là để cho người ta phải sự gì khốn khó mà chẳng a sức cứu giúp, và khi mình mắc phải những sự ấy, thì cũng chẳng chịu kẻ khác cứu lấy mình cho khỏi.

331 — H. — *Kẻ đã buồn giận nhau có nên đợi đến khi xưng tội sẽ làm lành cùng nhau chăng ?*

T. — Chẳng nên, vì chưng phép đạo ày phải làm lành và tạ người ta cho kíp.

332 — H. — *Kẻ nào đã phạm tội làm mất lòng người ta mà đã làm lành, còn phải xưng tội ấy nữa chăng ?*

T. — Còn phải xưng, vì tội làm mất lòng người ta, thì cũng làm mất lòng Đức Chúa Lời nữa ; vậy phải xưng tội ấy thì mới đủ.



ĐIỀU RĂN THỨ SÁU.

Chớ làm sự dâm dục.

333 — H. — *Điều răn thứ sáu cấm những sự gì ?*

T. — Điều răn thứ sáu cấm lời nói việc làm cùng những sự mở đàng cho ta lỗi nhân đức sạch sẽ.

334 — H. — *Có mấy sự hay mở đàng cho ta lỗi nhân đức ấy ?*

T. — Có bẩy sự này : một là ở nhưng phong lưu chẳng làm việc gì ; hai là làm bạn cùng kẻ xấu nết ; ba là xem sách nói về những sự dơ dáy ; bốn là đi xem những đám trò đám hát chơi bời về đàng ấy ; năm là xem nhan sắc cùng hình tượng vẽ những sự xấu xa ; sáu là nam nữ năng truyện trò cùng nhau ; bẩy là ăn uống thái quá.

335 — H. — *Khi ta phải cám dỗ về sự trái phải làm thế nào ?*

T. — Phải ra sức lo tưởng đàng khác tức thì và cầu xin Đức Chúa Lời chữa mình cho khỏi, cùng phải lánh những dịp tội về đàng ấy cho kíp.

336 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có nhiều thể, vì chưng tội phạm về điều răn này thì phân ra nhiều giống tội khác nhau tùy những cách phạm tội cùng tùy những người đã phạm tội ấy.

337 — H. — *Có lẽ nào giúp ta cho khỏi phạm tội xấu xa dường ấy chăng ?*

T. — Có bảy lẽ này : một là nhớ mình ở trước mặt Đức Chúa Lời liên ; hai là ở khiêm nhường chẳng dám cậy mình ; ba là giữ ngũ quan, nhất là con mắt, lỗ tai và miệng lưỡi ; bốn là đừng ở nhưng bao giờ ; năm là năng xưng tội chịu lễ ; sáu là suy ngắm những sự thương khó Đức Chúa Giêsu cùng bốn sự sau ; bảy là cầu xin rất thánh Đức Bà cùng đức thánh thiên thần coi sóc riêng ta và ông thánh là thánh quan thày gìn giữ cho khỏi phạm tội xấu xa dường ấy.



ĐIỀU RĂN THỨ BẢY.

Chớ lấy của người.

338 — H. — *Điều răn thứ bảy cấm những sự gì ?*

T. — Điều răn thứ bảy cấm ba sự này : một là lấy của người ta trái phép công bằng ; hai là cầm của người ta trái ý chúa của ấy ; ba là làm thiệt hại của người ta.

339 — H. — *Lấy của người ta trái phép công bằng phạm tội mấy thể ?*

T. — Phạm tội năm thể này : một là ăn hiếp, như kẻ cướp và những kẻ cậy thần thế ; hai là ăn cắp, như đầy tớ tôi tá và những kẻ lấy của gì trộm vụng ; ba là ăn gian, như kẻ mua bán mà chẳng thật thà cùng những kẻ phỉnh phờ giả trá ; bốn là ăn lãi trái lẽ, như kẻ làm nghề đặt nợ ăn lãi ; năm là ăn của thụ lộ, như kẻ giác toa cùng kẻ đoán kiện mà chẳng cứ lẽ công bằng, và những kẻ làm mưu chước nào cho được lấy của người ta.

340 — H. — *Cầm của người ta lại trái ý hứa của ấy phạm tội mấy thể ?*

T. — Phạm tội tám thề này : một là chẳng lả của mình đã lấy trái phép công bằng ; hai là chẳng lả nợ mình đã vay mượn ; ba là chẳng lả công mình đã mà cả vuối người ta ; bốn là chẳng cho chuộc của người ta đã cố ; năm là chẳng lả của người ta đã gửi ; sáu là chẳng lả của mình đã được ; bảy là chẳng lả tiền của người ta đã lả lầm ; tám là tiền của người ta đã phó cho mình coi sóc mà chẳng muốn tính sồ lại.

341 — H. — *Làm thiệt hại của người ta phạm tội mấy thề ?*

T. — Phạm tội ba thề này : một là làm hư của người ta, như khi đề trâu bò ăn lúa mạ, chém cây cối tròng vườn cùng đốt cửa nhà, hay là mình đồng lòng vuối kẻ làm hại của người ta, cùng ăn phần của gian ; hai là sai khiến xui giục và khen cùng chứa của hay là chứa những kẻ làm hại ; ba là đề kẻ thuộc về mình làm hại mà chẳng ngăn cấm, hay là khi phải tỏ sự thiệt hại kẻ khác đã làm mà mình làm thinh chẳng chịu tỏ ra.

342 — H. — *Kẻ đã làm hại của người ta phải đền cho ai ?*

T. — Phải đền cho kẻ đã phải thiệt ; bằng kẻ ấy đã qua đời, thì phải đền cho những kẻ được phép mà lấy của người đã phải thiệt ấy.

343 — H. — *Khi chẳng tìm được người đã chịu thiệt và kẻ thay mặt người ấy, thì phải làm thế nào ?*

T. — Phải thưa đấng bề-trên, mà người dạy làm việc lành phúc đức nào cho được đền sự thiệt ấy, thì phải vâng như vậy

344 — H. — *Phải đền bao giờ ?*

T. — Khi có thể mà đền được, thì phải đến cho kíp.

345 — H. — *Khi đền được một phần mà thôi, thì phải làm thế nào ?*

T. — Phải đền một phần ấy đã, cùng phải dốc lòng bao giờ có thì sẽ đền cho đủ.

346 — H. — *Kẻ lả của mình đã cầm trái ý chúa của ấy có đủ chăng ?*

T. — Vì bằng chúa của ấy có thiệt sự gì

vì mình đã cầm của người, thì cũng phải đền phần thiệt ấy nữa.



ĐIỀU RĂN THỨ TÁM.

Chớ làm chứng dối.

347 — H. — *Điều răn thứ tám cấm những sự gì ?*

T. — Điều răn thứ tám cấm làm chứng gian, nói dối, nói hành, bỏ vạ cùng xét đoán dông dài.

348 — H. — *Làm chứng gian là thế nào ?*

T. — Là khi làm chứng về sự gì mà chẳng cứ lời thật.

349 — H. — *Làm chứng gian có phải tội nặng chăng ?*

T. — Là tội nặng lắm, vì phạm nhân đức thương yêu cùng nhân đức công bằng.

350 — H. — *Kẻ đã làm chứng gian phải đền tội ấy là thế nào ?*

T. — Phải đền những sự thiệt hại bởi chứng gian ấy mà ra.

351 — H. — *Nói dối là thế nào ?*

T. — Nói dối là miệng nói thể khác mà trí khôn đoán thể khác, cho nên khi nói thì có ý dối người ta.

352 — H. — *Có khi nào nên nói dối chăng ?*

T. — Chẳng nên nói dối bao giờ.

353 — H. — *Nói hành là thể nào ?*

T. — Là khi chẳng có sự gì cần mà tỏ sự lỗi người ta ra trước mặt kẻ chưa biết, cho nên làm mất tiếng tốt người ta.

354 — H. — *Bỏ vạ là thể nào ?*

T. — Là khi người ta chang có phạm tội nào mà ta nói rằng có phạm tội ấy.

355 — H. — *Kẻ có ý muốn nghe nói hành cùng bỏ vạ có tội chăng ?*

T. — Có tội, vì là như khen cùng xui giục những kẻ nói làm vậy.

356 — H. — *Xét đoái dông dài là thể nào ?*

T. — Là khi chang có đủ lẽ mà đoán cho kẻ khác đã làm sự gì lỗi.

357 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có tám thề này : một là cáo gian cùng giúp và hộp một ý vuối kẻ cáo gian ; hai lậ làm chứng dối tỏ tường cùng làm chứng sự gì khi mình hồ nghi mà dám quyết sự ấy, và khi có sự gì cần mà chẳng chịu làm chứng ; ba là thiên tư người ta mà bỏ phép công bằng ; bốn là nói dối phỉnh phờ làm hại người ta cùng giả hình nhân đức, giả thị, giả lệnh, giả văn tự cùng những sự gian trá khác như vậy, hay là nói dối chữa mình cùng chữa kẻ khác, và nói dối có ý chơi mà thôi ; năm là khi chẳng có sự gì cần mà bởi nhẹ dạ hay là bởi lòng độc mà nói mất tiếng tốt người ta, hay là kể tội người nào trước mặt người ấy cho xấu hổ, dù sự lỗi người ấy đã trống, song le bởi có ý chê trách, hay là quen nói mách mà nhắc lại sự lỗi ấy cùng tỏ tên người ấy ra ; sáu là bỏ vạ cho người ta những sự chẳng có cùng lằm văn làm thơ cho người ta mắc phải tiếng xấu ; bảy là nói gièm pha cho người ta sinh lòng ghen ghét nhau, hay là sinh hồ nghi chẳng còn tin nhau như khi

trước ; tám là ngờ vực cho người ta, như khi thấy hình người nào, và nghe lời nói cùng xem việc làm mà vội đoán người ấy đã có tính gian, hay là đã có ý trái.

358 — H. — *Những kẻ đã phạm bấy nhiêu tội có dễ sửa sự lỗi mình chăng ?*

T. — Việc này rất khó, nhất là khi đã nói hành, cho nên phải lo sợ cùng giữ lắm kẻo phạm tội ấy nữa.



ĐIỀU RĂN THỨ CHÍN.

Chớ muốn vợ chồng người.

359 — H. — *Điều răn thứ chín cấm những sự gì ?*

T. — Điều răn thứ chín, như điều răn thứ sáu, cấm sự lỗi nhân đức sạch sẽ, nhưng mà hai điều răn ấy khác nhau, vì chưng điều răn thứ sáu cấm lời nói cùng việc làm, còn điều răn thứ chín này lại cấm lòng ước ao cùng ý tưởng sự gì trái.

360 — H. — *Kẻ ước ao sự gì trái mà chẳng làm sự ấy có tội chăng ?*

T. — Có tội, vì chưng kẻ ước ao sự gì trái, thì lòng đã chiều về đàng ấy, như lời Đức Chúa Giêsu phán rằng : Kẻ nào xem người nữ mà có lòng ước ao phạm tội vuối người ấy, thì đã mắc tội thật.

361 — H. — *Kẻ lo tưởng sự gì trái cùng đã kịp suy mà chẳng muốn bỏ sự ấy có tội chăng ?*

T. — Cũng có tội, vì chưng kẻ ấy liều mình mà sinh lòng động lòng lo ước ao làm sự chẳng nên.

362 — H. — *Kẻ tự nhiên mà lo tưởng sự gì trái, song le vừa kịp suy liền ra sức bỏ sự ấy tức thì, có tội chăng ?*

T. — Chẳng có tội gì đâu, mà lại kẻ ra sức chống lả tính xác thịt làm vậy, thì càng được thêm công trước mặt Đức Chúa Lời.

363 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thề ?*

T. — Có nhiều thề, như khi phạm về điều răn thứ sáu vậy, cho nên phải xét cho biết đã có ý tưởng cùng ước ao phạm tội những cách nào vuối những người

nào, vì chưng một sự muốn tưởng cùng ước ao phạm tội, thì cũng đã đủ cho tội ra khác nhau tùy những cách ấy và tùy những người ấy nữa.



Điều răn thứ Mười.

Chớ tham của người.

364 — H. — *Điều răn thứ mười cấm những sự gì ?*

T. — Điều răn thứ mười hợp một ý như điều răn thứ bảy ; nhưng mà hai điều răn ấy khác nhau, vì chưng điều răn thứ bảy cấm sự lấy cùng cầm và làm thiệt hại của người ta ; còn điều răn thứ mười này lại cấm lòng tham của kẻ khác cùng lòng yêu của mình quá lẽ.

365 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể này : một là ước ao của người ta trái phép công bằng ; hai là lo lắng bối rối trông mong cho được nhiều của ; ba là yêu chuộng cùng gìn

giữ của mình quá lẽ ; bốn là khi mất của gì mà buồn cùng tiếc quá lẽ nữa.

366 — H. — *Ai muốn giữ điều răn này nên, phải làm thể nào ?*

T. — Phải theo thánh ý Đức Chúa Lời mà ở bằng lòng tùy đấng bậc mình, chẳng nên phen bì kẻ khác.

ĐOẠN THỨ HAI.

Dạy về sáu điều răn Hội-thánh.

ĐIỀU RĂN THỨ NHẤT.

Xem lễ ngày chủ nhật cùng
các ngày lễ buộc.
và ĐIỀU RĂN THỨ HAI.
Chớ làm việc xác ngày chủ nhật
cùng các ngày lễ buộc.

367 — H. – *Điều răn thứ nhất và điều răn thứ hai này có hợp một ý cùng điều răn thứ ba Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Có hợp một ý mà dạy phải giữ ngày nhất lễ lạy, song lại dạy phải giữ các ngày lễ lạy khác nữa.

368 — H. — *Có mấy ngày lễ lạy khác ?*

T. — Xưa có nhiều ngày lễ lạy khác, song le rầy chỉ có bốn ngày Toà-thánh truyền phải giữ mà thôi : một là lễ Sinh-nhật Đức Chúa Giêsu, hai là lễ Đức Chúa Giêsu lên lời ; ba là lễ rất thánh Đức Bà linh hồn và xác lên lời ; bốn là lễ Các Thánh.

369 — H. — *Phạm tội về điều răn thứ nhất và điều răn thứ hai này có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể như đã nói trong điều răn thứ ba, khi cắt nghĩa điều Đức Chúa Lời.



ĐIỀU RĂN THỨ BA.

Xưng tội trong một năm ít là một lần.

370 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có hai thể này : một là khi đã đến tuổi khôn mà làm biếng chẳng muốn xưng tội cho được chịu phép Giải tội một

năm một lần ; hai là xưng tội chẳng nên mà làm hư phép giải tội.



ĐIỀU RĂN THỨ BỐN.

Chịu Mình thánh Đức Chúa Giêsu trong mùa Phục sinh.

371 — H. — *Trong mùa Phục-sinh phải kể là bao lâu ?*

T. — Những nơi nào rộng đạo có đủ thày cả cho bổn đạo chịu lễ, thì kể mùa Phục-sinh là từ lễ Lá cho đủ mười lăm ngày ; còn trong nước này thì kể từ lễ Lo cho đến hết tuần lễ Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống.

372 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có hai thể này : một là khi đã đến tuổi khôn mà làm biếng chẳng chịu Mình thánh Đức Chúa Giêsu trong múa Phục-sinh ; hai là chịu lễ chẳng nên, vì chẳng ra sức dọn mình về phần linh hồn cùng về phần xác, như đã dạy trong điều thứ ba về sự dọn mình chịu lễ.

ĐIỀU RĂN THỨ NĂM.

Giữ chay những ngày Hội-thánh buộc.

373 — H. — *Bổn đạo nước này phải ăn chay những ngày nào?*

T. — Bổn đạo nước này chỉ phải ăn chay những ngày thứ sáu trong mùa Chay cả, và ngày trước lễ Đức Bà lên lời, cùng ngày trước lễ Sinh-nhật Đức Chúa Giêsu, vì đức Giáo-hoàng đã tha phép như vậy.

374 — H. — *Kẻ muốn ăn chay nên, phải làm mấy sự ?*

T. — Phải làm ba sự này : một là ăn một bữa no mà thôi, hai là phải đợi cho đến trưa mới nên ăn ; ba là tối thì ăn ít vậy.

375 — H. — *Ngày ăn chay ban sáng có được ăn uống đí gì chăng ?*

T. — Cũng được ăn uống một hai miếng gọi là lót lòng.

376 — H. — *Đến tuổi nào lề luật Hội-thánh mới buộc ăn chay ?*

T. — Đến hai mươi mốt sang hai mươi hai tuổi khi chẳng có ngăn trở sự gì cần, thì phải ăn chay.

377 — H — *Sự ăn chay thì được những ích gì ?*

T. — Được bốn ích này ; một là được đền tội, vì tội thường bởi tính xác thịt mà ra ; hai là được bớt tính mê đàng tội và bớt sức ma quỉ cám dỗ ; ba là rửa linh hồn cho sạch hơn cùng thêm sức thiêng liêng cho được giữ lời Đức Chúa Lời răn ; bốn là được nên giống Đức Chúa Giêsu vì Người đã ăn chay hãm mình mà dạy ta bắt chước như vậy.

378 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể ?*

T. — Có bốn thể này : một là ăn thịt khi chẳng có sự gì cần ; hai là ăn nhiều bữa như quen mọi ngày ; ba là ăn sớm quá chẳng đợi cho đến trưa ; bốn là đến tối lại ăn no.

ĐIỀU RĂN THỨ SÁU.

Kiêng thịt ngày thứ sáu
cùng những ngày khác Hội-thánh dạy.

379 — H. — *Bổn đạo nước này buộc phải kiêng thịt những ngày nào ?*

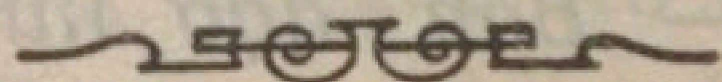
T. — Bổn đạo nước này nhờ phép rộng Toà-thánh đã ban, thì chỉ buộc phải kiêng thịt như sau này : một là các ngày thứ sáu quanh năm ; hai là các ngày thứ tư trong mùa Chay cả ; ba là ngày trước lễ Sinh-nhật Đức Chúa Giêsu, và ngày trước lễ Đức Bà linh hồn và xác lên lời.

380 — H. — *Vì ý nào mà Hội-thánh dạy kiêng thịt ngày thứ sáu* ?

T. — Vì ngày thứ sáu là ngày Đức Chúa Giêsu đã chịu chết chuộc tội cho thiên hạ.

381 — H. — *Phạm tội về điều răn này có mấy thể* ?

T. — Có ba thể này : một là ăn thịt ngày kiêng mà chẳng phải vô ý cùng chẳng có lẽ gì cần ; hai là ăn thịt khi có lẽ cần, song le chẳng xin phép khi có thể mà xin được ; ba là ăn thịt lầm bởi vì làm biếng chẳng muốn đi nhà thờ mà nghe sách xem ngày cùng chẳng muốn hỏi ai.



Đoạn thứ Ba.

Dạy về sự tội cùng những sự dữ bởi tội mà ra.



Điều thứ Nhất.

Dạy về sự tội.

382 — H. — *Tội là đi gì ?*

T. — Tội là sự phạm lề luật Đức Chúa Lời.

383 — H. — *Bao giờ phạm lề luật Hội-hánh, hay là lề luật nào đấng chính quyền lã cứ lẽ công bằng mà truyền cho kẻ thuộc ề mình, có được gọi là phạm lề luật Đức Chúa Lời chăng ?*

T. — Cũng gọi là phạm lề luật Đức Chúa Lời, vì Đức Chúa Lời dạy phải âng lời các đấng có quyền thay mặt Người.

384 — H. — *Có mấy giống tội ?*

T. — Có hai giống : một là tội tổ tông ruyền, hai là tội riêng ta phạm.

385 — H. — *Tội tổ tông truyền là tội nào?*

T. — Là tội ông Adong bà Evà phạm xưa vì chẳng vâng lời Đức Chúa Lời răn cấm ; vậy ta bởi một tổ tông ấy mà sinh ra thì cũng mắc phải tội ấy nữa.

386 — H. — *Tội riêng ta phạm là tội nào?*

T. — Là khi ta lòng động lòng lò, miệng nói, mình làm sự gì lỗi lề luật Đức Chúa Lời, hay là bỏ những việc ta phải làm.

387 — H. — *Những tội riêng ta phạm có mấy giống?*

T. — Có hai giống: một là tội nặng, hai là tội nhẹ.

388 — H. — *Tội nặng là làm sao?*

T. — Tội nặng là giống tội làm cho ta mất nghĩa cùng Đức Chúa Lời và đáng chịu phạt đời đời.

389 — H. — *Bao giờ tội ra nặng?*

T. — Là khi ta đã kịp suy mà còn dám phạm sự gì trọng.

390 — H. — *Tội nhẹ là làm sao?*

T. — Tội nhẹ là giống tội làm cho ta kém sức thiêng liêng ra nguội lạnh yếu

đuối cùng đáng chịu phạt ở đời này hay là trong luyện ngục đời sau.

391 — H. — *Bao giờ tội ra nhẹ?*

T. — Là khi phạm về sự nhỏ mọn, và khi phạm về sự gì trọng, song le chưa kịp suy đủ lẽ cho ra tội nặng.

392 — H. — *Những tội ta phạm tóm lại mấy mối?*

T. — Tóm lại bảy mối, gọi là bảy mối tội đầu : một là kiêu ngạo ; hai là hà tiện ; ba là mê dâm dục ; bốn là hằn giận ; năm là mê ăn uống ; sáu là ghen ghét ; bảy là làm biếng việc lành.

393 — H. — *Vì sao gọi nó là bảy mối tội đầu?*

T. — Vì nó là cội rễ sinh ra nhiều tội khác.

ĐIỀU THỨ HAI.

Dạy về những sự dữ bởi tội mà ra.

394 — H. — *Kẻ phạm tội có được bằng yên cùng vui thật trong lòng chăng?*

T. — Chẳng được đâu, một phải lo buồn sợ hãi trong lòng liên.

395 — H. — *Vì lẽ nào?*

T. — Vì chưng sự tội là giống hay sinh ra những sự khốn khó về phần linh hồn cùng về phần xác nữa.

396 — H. — *Tội sinh ra sự khốn khó về phần linh hồn là thể nào?*

T — Tội sinh ra sự tối tăm trong trí khôn và làm cho lòng ta lở nên yếu đuối cùng hay chiều về đàng trái, cho nên ta mắc phải những sự khốn nạn ở đời này và đời sau nữa.

397 — H. — *Tội sinh ra sự khốn khó về phần xác là thể nào?*

T. — Tội sinh ra những sự khốn khó đời này, như sự đói khát, thần khí, giặc giã, cùng sự chết; còn những sự khốn khó đời sau thì cũng bởi tội mà ra.



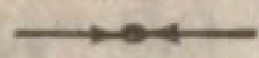
PHẦN THỨ BỐN.

Dạy về ơn Đức Chúa Lời, sự cầu nguyện, dấu thánh Giá, nghĩa kinh Lạy Cha, kinh Kính mừng, cùng những việc bổn đạo phải làm hằng ngày.



ĐOẠN THỨ NHẤT.

Dạy về ơn Đức Chúa Lời và sự cầu nguyện cùng dấu thánh Giá.



ĐIỀU THỨ NHẤT.

Dạy về ơn Đức Chúa Lời.

398 — H. — *Ơn Đức Chúa Lời là đi gì ?*

T. — Là sức thiêng liêng Đức Chúa Lời ban cho ta được lánh tội cùng làm việc lành phúc đức.

399 — H. — *Nếu vậy bởi sức riêng ta chẳng được lánh tội mà làm việc lành phúc đức ru ?*

T. — Chẳng được : có ơn Đức Chúa Lời giúp sức cho ta, thì mới được mà chớ.

400 — H. — *Ta chẳng có công gì trước mặt Đức Chúa Lời mà Người ban ơn cho ta làm sao ?*

T. — Đức Chúa Lời nguyên lòng lành vô cùng dủ lòng thương mà ban ơn cho ta vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu.

401 — H. — *Đức Chúa Lời ban ơn cho ta có ý nào ?*

T. — Đức Chúa Lời có ý cho ta được nghĩa cùng Người, và cho ta được giữ nghĩa cực trọng ấy.

402 — H. — *Khi nào Đức Chúa Lời ban ơn cho ta được nghĩa cùng Người ?*

T. — Là khi ta chịu phép Rửa tội, hay là chịu phép Giải tội nên.

403 — H. — *Những ơn giúp ta cho được giữ nghĩa cùng Đức Chúà Lời là thể nào ?*

T. — Là những ơn Đức Chúa Trời ban cho ta khi chịu các phép khác Đức Chúa Giêsu đã truyền, và khi Đức Chúa Lời mở lòng ta làm việc lành nọ việc phúc đức kia.

404 — H. — *Ai đã có nghĩa cùng Đức Chúa Lời có mất ơn ấy được chăng?*

T. — Hễ là ai phạm tội trọng liền mất nghĩa cùng Đức Chúa Lời tức thì.

405 — H. — *Bao giờ Đức Chúa Lời mở lòng cho ta làm việc lành, có từ chối ơn Người được chăng?*

T. — Được, vì Đức Chúa Lời chẳng ép lòng ai, song le khốn cho kẻ cả lòng phụ ơn bội nghĩa cùng Chúa mình làm vậy.

406 — H. — *Phải làm đí gì cho được ăn mày ơn Đức Chúa Lời?*

T. — Phải dùng những phép Đức Chúa Giêsu truyền như đã nói trước này, cùng siêng năng đọc kinh cầu nguyện.

ĐIỀU THỨ HAI.

Dạy về sự cầu nguyện.

407 — H. — *Sự cầu nguyện là đí gì?*

T. — Sự cầu nguyện là đem lòng đem trí lên mà nhớ và kính lạy Đức Chúa Lời cùng xin Người phù hộ cho ta.

408 — H. — *Khi ta cầu nguyện phải có ý thế nào ?*

T. — Phải có ý lành, nhất là phải có ý thờ phượng kính mến cùng đội ơn Đức Chúa Lời.

409 — H. — *Sự cầu nguyện có phải là sự cần chăng ?*

T. — Là sự cần lắm, vì ta thiếu thốn mọi đàng, thì hằng phải trông ơn Đức Chúa Lời liên.

410 — H. — *Phải cầu nguyện là thế nào ?*

T. — Phải cầm trí lại mà suy tưởng về sự mình cầu xin, cùng ở khiêm nhường cậy trông Đức Chúa Lời, chẳng nên ngã lòng bao giờ.



ĐIỀU THỨ BA.

Dạy về dấu thánh Giá.

411 — H. — *Dấu kẻ có đạo là dấu nào ?*

T. — Là dấu cây thánh Giá Đức Chúa Giêsu.

412 — H. — *Phải làm dấu thế nào ?*

T. — Phải lấy tay mặt đặt lên trán mà đọc rằng : **Nhân danh Cha** ; đoạn đặt xuống dưới ngực mà đọc rằng : **và Con** ; đoạn đặt lên vai tả mà rằng : **và Thánh** ; lại đặt sang vai hữu mà đọc rằng ; **Thần** ; rồi chắp hai tay lại trước ngực mà đọc rằng : **Amen**.

413 — H. — *Dấu thánh Giá có ý chỉ những sự gì ?*

T. — Có ý chỉ ba sự mầu nhiệm cả trong đạo : một là chỉ sự một Đức Chúa Lời ba Ngôi ; hai là chỉ sự Con Đức Chúa Lời xuống thế làm người ; ba là chỉ sự Đức Chúa Giêsu chịu đóng đanh trên cây thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.

414 — H. — *Khi làm dấu phải có ý thế nào ?*

T. — Phải có ý cầu xin Đức Chúa Lời phù hộ, gìn giữ vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu đã chuộc tội chịu chết cho ta.

415 — H. — *Phải làm dấu những khi nào ?*

T. — Phải năng làm dấu thánh Giá, vì dấu ấy là như kinh nguyện tắt vậy, song

le nhất là trước khi đọc kinh, hay là khi toan làm việc gì, và khi ma quỉ cám dỗ, cùng khi lo sợ sự gì khó đến mình.



ĐOẠN THỨ HAI.

Dạy về nghĩa kinh
Lạy Cha *và kinh* Kính mừng.



ĐIỀU THỨ NHẤT.

Dạy về kinh Lạy Cha.

416 — H. — *Các kinh trong đạo kinh nào trọng hơn ?*

T. — Kinh Lạy Cha là kinh trọng nhất.

417 — H. — *Vì lẽ nào kinh Lạy Cha là kinh trọng nhất ?*

T. — Vì Đức Chúa Giêsu đã lập kinh này mà tóm lại mọi sự ta phải trông cậy Đức Chúa Lời về phần linh hồn cùng về phần xác, về đời này và đời sau, lại dạy ta phải dùng kinh này mà cầu nguyện.

418 — H. — *Trong kinh này có mấy điều cầu xin ?*

T. — Có bảy điều : ba điều trước chỉ về Đức Chúa Lời, còn bốn điều sau thì chỉ về ta.

419 — H. — *Lời đặt trước hết* : **Lạy Cha chúng tôi ở trên lời,** *lời ấy nghĩa là làm sao ?*

T. — Là như tựa tắt vậy để mà lạy Cha cả, cũng như khi ta vào cửa quan thì lạy quan, đoạn mới thân thưa việc nọ việc kia.

420 — H. — *Vì sao gọi Đức Chúa Lời là Cha ?*

T. — Vì tiếng Cha là tiếng tỏ ra lòng mến, mà thật Đức Chúa Lời là Cha ta, vì đã sinh ra ta cùng gìn giữ dưỡng nuôi ta và sắm nước thiên đàng cho ta như cha sắm của để cho con vậy.

421 — H. — *Vì sao nói rằng : Cha chúng tôi, mà chẳng nói rằng : Cha tôi ?*

T. — Nói rằng : Cha chúng tôi, cho được tỏ ra ta là anh em có một cha chung ở trên lời cùng hợp một ý cầu nguyện

cho nhau và trông ngày sau sẽ được hưởng phúc trên thiên đàng vuối nhau nữa.

422 — H. — *Vì sao nói rằng : Cha ở trên lời, mà chẳng nói rằng : Cha ở khắp mọi nơi ?*

T. — Vì chưng lời là chốn cao xa, cũng là nơi Cha cả tỏ sự sang trọng Người ra cho các thánh vui mừng ; vậy ta phải đem trí lên lời mà nhớ đến quê rất thanh nhàn ấy liên.

423 – H. — *Điều thứ nhất rằng* : **Chúng tôi nguyện Cha danh cả sáng**, *thì ta có ý xin đi gì ?*

T. — Trong điều này ta xin cùng ước ao cho cả và loài người ta khắp tứ phương thiên hạ, những kẻ chưa có đạo được biết cùng thờ phượng kính mến Cha cả, và kẻ có đạo được giữ đạo nên, cho danh Cha cả sáng một ngày một hơn.

424 — H. — *Điều thứ hai* : **Nước Cha trị đến,** *thì ta có ý xin đi gì ?*

T. — Trong điều này ta xin ơn Đức Chúa Lời sửa trị lòng ta cùng cầu cho

mọi người điều suy phục Đức Chúa Lời là vua cả hằng sống hằng trị, và xin cho ngày sau ta được lên nước thiên đàng ở làm một cùng Cha cả đời đời.

425 — H. — *Điều thứ ba* : **Vâng ý Cha dưới đất bằng trên lời vậy,** *thì ta có ý xin đí gì ?*

T. — Trong điều này ta xin cho mọi người thế gian được lòng sốt mến mà vâng lời Đức Chúa Lời cho lọn, cũng như các thánh trên lời vâng ý Cha cả mọi đàng.

426 — H. — *Điều thứ bốn* : **Xin Cha cho chúng tôi rầy hằng ngày dùng đủ,** *thì ta có ý xin đí gì ?*

T. — Trong điều này ta có ý xin của nuôi linh hồn và xác mọi ngày.

427 — H. — *Của nuôi linh hồn là đí gì ?*

T. — Là ơn Đức Chúa Lời ban cho linh hồn ta, như lòng tin, cậy, kính mến và những lời Đức Chúa Lời dạy dỗ yên ủi, nhưng mà của trọng nhất là Mình thánh Đức Chúa Giêsu.

428 — H. — *Của nuôi xác là đí gì ?*

T. — Là những sự cần cho xác được sống, như của ăn mặc, mà khi đã được những sự cần ấy, thì phải lấy làm đủ, chẳng nên tham sự gì nữa.

429 — H. — *Vì sao nói rằng : Cho chúng tôi rầy ?*

T. — Vì chưng ta là kẻ ăn mày Đức Chúa Lời hằng ngày hằng phải xin, chẳng nên để qua ngày nào mà chẳng xin Đức Chúa Lời thương đến ta.

430 — H. — *Điều thứ năm* : **Và tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi,** *thì ta có ý xin đí gì ?*

T. — Trong điều này ta có ý xin Đức Chúa Lời tha nợ, là tha tội cho ta.

431 — H. — *Vì sao gọi tội là nợ ?*

T. — Vì những ơn Đức Chúa Lời ban cho ta xưa nay là như của Đức Chúa Lời cho vay mượn ; vậy ta đã làm hư những ơn Cha cả, cho nên ta mắc nợ Người nhiều lắm, thì phải xin Người tha nợ ấy cho, mới khỏi đền ở đời này hay là đời sau.

432 — H. —*Kẻ chẳng muốn tha sự lỗi anh em làm mất lòng mình, có được trông Đức Chúa Lời sẽ tha tội cho mình chăng ?*

T. — Chẳng được, vì trong điều xin này rằng : « như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi » ; cho nên ai chẳng tha sự lỗi anh em, thì chớ trông Đức Chúa Lời tha tội cho mình làm chi.

433 — H. — *Điều thứ sáu* : **Lại chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ,** *thì ta có ý xin đi gì ?*

T. — Trong điều này ta xin Đức Chúa Lời chớ để kẻ thù cám dỗ ta, hay là khi Đức Chúa Lời để ta phải sự cám dỗ, thì xin cho khỏi phạm tội lỗi.

434 — H. — *Kẻ thù có sức mà ép ta phạm tội được chăng ?*

T. — Nó chẳng có sức ấy đâu ; dù nó rất mạnh thế nào mặc lòng, nhưng mà ơn Đức Chúa Lời ban cho kẻ cầu nguyện nên, thì phá được mọi phép cùng mọi chước nó.

435 — H. — *Điều thứ bảy* : **Bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ,** *thì ta có ý xin đi gì ?*

T. — Trong điều này ta xin cho khỏi mọi sự dữ về phần linh hồn cùng về phần xác đời này và đời sau, nhất là xin cho khỏi phạt trong hoả ngục đời đời.

436 — H. — *Vì sao có nhiều lần ta xin cho khỏi sự dữ mà còn mắc phải những sự ấy ?*

T. — Nếu ta ra sức cầu nguyện mà còn mắc phải sự dữ, ấy là dấu Đức Chúa Lời thử lòng ta ; nhưng mà Đức Chúa Lời chẳng có bỏ ta đâu, chầy kíp sẽ lả công cho kẻ chịu khó vì Người : hoặc là bởi cầu nguyện chẳng nên, thì ta một phải trách mình mà chớ.

437 — H. — *Lời* Amen *nghĩa là làm sao ?*

T. — Amen nghĩa là thật như vậy, cũng là tiếng dùng mà tỏ ra lòng ta tin thật Đức Chúa Lời sẽ ban những ơn ta đã xin trong kinh này.

ĐIỀU THỨ HAI.

Dạy về kinh Kính mừng.

438 — H. — *Vì lẽ nào khi đọc kinh Lạy*

Cha đoạn lại thêm kinh Kính mừng ?

T. — Vì Đức Bà Maria là đấng rất đẹp lòng Đức Chúa Lời, và rất thương yêu loài người ta, cho nên ta dâng kinh này mà cậy người bầu cử cho được những ơn ta xin cùng Đức Chúa Lời.

439 — H. — *Kinh Kính mừng là những lời ai ?*

T. — Là lời thánh thiên thần Gabirie truyền tin cho rất thánh Đức Bà chịu thai Con Đức Chúa Lời, và lời Bà thánh Isave khen rất thánh Đức Bà, cùng lời Hội-thánh ngượi khen và cầu xin rất thánh Đức Bà nữa.

440 – H. — *Lời thánh thiên thần Gabirie là những lời nào ?*

T. — Là lời : « Kính mừng Maria đầy ơn phúc, Đức Chúa Lời ở cùng Bà, Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ. »

441 – H. — *«* **Kính mừng Maria đầy ơn phúc** *», nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là : thân lạy rất thánh Đức Bà Maria đầy ơn Đức Chúa Lời, và đầy công nghiệp cùng đầy những sự trọng hơn các loài Đức Chúa Lời đã dựng nên.

442 — H. — « **Đức Chúa Lời ở cùng Bà** », *nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Chúa Lời Ba Ngôi thương xem cùng gìn giữ rất thánh Đức Bà mọi đàng.

443 — H. — « **Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ** », *nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là rất thánh Đức Bà có phúc trọng hơn các người nữ, vì rất thánh Đức Bà chẳng có tội lỗi gì, mà lại được phúc rất lạ, là giữ mình đồng trinh lọn đời, và sinh đẻ con trọng vô cùng, là Con thật Đức Chúa Lời.

444 — H. — *Lời bà thánh Isave khen rất thánh Đức Bà là những lời nào ?*

T. — Là lời : « Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ », mà lời ấy cũng như lời thánh thiên thần đã khen rất thánh Đức Bà ; đoạn lại thêm lời này rằng : « Và Giêsu Con lòng Bà gồm phúc lạ. »

445 — H. — « **Và Giêsu Con lòng Bà gồm phúc lạ** », *nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là con ngự trong lòng rất thánh Đức Bà, là Đức Chúa Giêsu, gồm

các phúc lạ, vì Đức Chúa Giêsu là Con thật Đức Chúa Lời cùng là ngàn mọi ơn mọi phúc.

446 — H. — *Lời Hội-thánh ngượi khen và cầu xin rất thánh Đức Bà là những lời nào ?*

T. — Là từ lời « Thánh Maria » cho đến hết kinh này.

447 — H. — **« Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Lời »**, *nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Bà là đấng rất thánh cùng là mẹ Đức Chúa Lời thật, vì Con Đức Chúa Lời xuống thế gian thì đã ngự trong lòng rất thánh Đức Bà và bởi lòng người mà sinh ra.

448 — H. — *Vì sao nói rằng* : **Cầu cho chúng tôi là kẻ có tội »** ?

T. — Vì lời rất thánh Đức Bà cầu bầu thì có sức mạnh lắm, cho nên xin người cầu cho ta là kẻ chẳng đáng ra mặt cùng Đức Chúa Lời.

449 — H. — **« Khi nay và trong giờ lâm tử »**, *nghĩa là làm sao ?*

T. — « Khi nay », là khi ta còn sống ở

thế gian này, xin rất thánh Đức Bà bầu cử cho ta được giữ đạo nên ; » và trong giờ lâm tử », nghĩa là đến giờ chết xin rất thánh Đức Bà lại bầu cử cho ta được giữ nghĩa cùng Đức Chúa Lời cho đến lọn đời mà hưởng phúc vui vẻ vô cùng.

ĐOẠN THỨ BA.

Dạy về những việc bổn đạo phải làm hằng ngày.

450 — H. — *Sáng ngày khi vừa thức dậy, tức thì phải làm đi gì ?*

T. — Tức thì phải làm dấu thánh Giá trên mình, đoạn thì nguyện rằng : Lạy Chúa tôi, tôi xin dâng lòng tôi cùng mọi việc tôi sẽ làm trong ngày hôm nay cho sáng danh Chúa tôi, xin Chúa tôi phù hộ gìn giữ tôi, chớ để tôi phạm tội lỗi gì mất lòng Chúa tôi.

451 — H. — *Khi chẳng đến nhà thờ mà đọc kinh chung được, thì phải làm thế nào ?*

T. — Có bao nhiêu người trong nhà thì phải hợp làm một mà đọc kinh chung vuối nhau.

452 — H. — *Có khi nào nên bỏ đọc kinh vì vội đi làm việc nọ việc kia chăng ?*

T. — Chẳng nên, vì ở cách ấy thì ra cậy sức minh hơn cậy Đức Chúa Lời ; có một khi phải việc rất cần thì mới nên giãn sự đọc kinh, song le còn phải thầm thĩ than thở cùng Đức Chúa Lời một hai lời, chẳng nên bỏ không bao giờ sốt.

453 — H. — *Những ngày thường khi đọc kinh riêng trong cửa nhà mình có buộc phải đọc đủ các kinh như đã quen đọc trong nhà thờ chăng ?*

T. — Có đọc đủ các kinh như vậy thì có phúc, nhược bằng trở nhiều việc cần chẳng đọc được đủ, thì chẳng có tội gì.

454 — H. — *Khi chẳng đọc đủ các kinh, thì phải đọc những kinh nào ?*

T. — Trước hết phải đọc kinh Lạy Cha, kinh Kính mừng, kinh Tin kính, đoạn thì ở lặng một chốc mà nhớ mình ở trước mặt Đức Chúa Lời và kính lạy tạ ơn Người, đoạn sẽ đọc ba kinh Tin, Cậy

Kính mến, cùng kinh Truyền tin, sau hết sẽ thêm một kinh Lạy Cha, một kinh Kính mừng có ý cầu cho kẻ sống và kẻ chết.

455 — H. — *Khi toan làm việc gì, thì trong lòng phải có ý thế nào ?*

T. — Phải có ý làm việc ấy cho danh Cha cả sáng cũng như Đức Chúa Giêsu đã làm các việc ấy thuở xưa có ý cho sáng danh Đức Chúa Cha mà chớ.

456 — H. — *Khi gặp nhiều việc nặng nề khó nhọc, thì trong lòng phải có ý thế nào?*

T. — Trước hết phải nhớ đến những sự thương khó Đức Chúa Giêsu đã chịu từ sinh trong hang đá cho đến khi chịu chết trên cây thánh Giá, cùng phải suy rằng : hễ vật nào thì phải tùy đấng bậc mình mà làm việc nọ việc kia, chẳng có vật nào ở nhưng sốt ; sau nữa phải nhớ ta là con cháu ông Adong cùng đã mắc nhiều tội lỗi, thì phải chịu khó mà đền, mới trông được lên thiên đàng.

457 — H. — *Khi đang làm việc gì, thì*

trong lòng phải có ý thế nào?

T. — Phải năng nhớ đến Đức Chúa Lời, cùng thầm thĩ trong lòng rằng : Lạy ơn Chúa tôi, khi tôi mới làm việc này, tôi đã có ý cho sáng danh Chúa tôi, thì bây giờ tôi xin giữ một ý ấy nữa.

458 — H. — *Khi đã làm việc rồi, còn phải than thở lời gì nữa chăng ?*

T. — Còn phải than thở rằng : Đội ơn Chúa tôi đã giúp tôi cho được làm việc này, thì tôi trông cậy ước ao cho sáng danh Chúa tôi và tôi được rỗi linh hồn.

459 — H. — *Trước khi ăn cơm phải làm đi gì ?*

T. — Trước hết phải có ý cầm hãm tính xác thịt lại, kẻo ra lòng mê ăn uống, đoạn sẽ đọc một kinh Lạy Cha một kinh Kính mừng, hay là đọc kinh này rằng : Chúng tôi lạy ơn Đức Chúa Lời, con mắt thiên hạ trông cậy... vân vân.

460 — H. – *Ăn cơm rồi phải làm đi gì?*

T. — Tức thì phải cám ơn Đức Chúa Lời, vì đã ban của ăn của uống cho ta được nuôi xác làm vậy, cùng phải đọc

một kinh Lạy Cha, một kinh Kính mừng, như khi trước, hay là đọc kinh : Chúng tôi cám ơn Đức Chúa Lời phép tắc vô cùng... vân vân.

461 — H. — *Khi phải chước ma quỉ giục lòng phạm tội, thì phải làm thể nào ?*

T. — Tức thì phải thầm thĩ rằng : Lạy Chúa tôi, xin cứu lấy tôi kẻo ngã chước cám dỗ này, tôi dốc lòng thà chết chẳng thà mất lòng Chúa tôi.

462 — H. — *Khi ngã phạm tội đoạn, thì phải làm thể nào ?*

T. — Phải ra sức ăn năn tội cách lọn cho kíp, chẳng khác gì như kẻ đã sẩy chân mà ngã xuống chốn bùn lấm láp liền chồi dậy tức thì, chẳng ai muốn nằm chốn ấy cho lâu đâu.

463 — H. — *Khi gặp sự gì khốn khó về phần linh hồn hay là về phần xác, thì phải làm thể nào thể nào ?*

T. — Phải giữ kẻo lo buồn quá hay là nói lời gì kêu trách Đức Chúa Lời, một phải than thở rằng : Lạy Chúa tôi, xin giúp sức cho tôi được nhịn nhục chịu

khó bằng lòng, bắt chước Đức Chúa Giê-su đã chịu trăm nghìn sự khốn khó vì tội lỗi tôi.

464 — H. — *Khi mất của cải phải làm thế nào ?*

T. — Khi ấy chẳng nên giận dữ chửi rủa người ta kẻo đã mất của mà lại phạm tội, một phải thầm thĩ rằng : mọi của tôi là của Đức Chúa Lời ban cho tôi dùng, bây giờ Đức Chúa Lời để cho kẻ khác cất lấy, thì tôi cũng vâng bằng lòng chẳng dám phàn nàn.

465 — H. — *Khi có ai làm sự gì hay là nói lời gì mất lòng ta, thì phải làm thế nào ?*

T. — Khi ấy chẳng nên thù oán kẻ nghịch làm vậy, một phải than thở rằng : Lạy ơn Đức Chúa Giêsu đã chịu mọi sự khốn khó vì tội lỗi tôi, thì tôi dốc lòng chịu sự xấu hổ này cho được tạ ơn Chúa tôi cùng đền vì tội tôi nữa.

466 — H. — *Khi nghe thấy kẻ khác nói những lời quấy quá, như nói hành chửi rủa cùng lời hoa tình tục tĩu, thì phải làm thế nào ?*

T. — Nếu có can được, thì phải can người ta kẻo thiệt linh hồn nó, vì nhân đức thương yêu buộc ta làm vậy ; nhược bằng can chẳng được, thì phải đau đớn trong lòng, mà xin Đức Chúa Lời tha tội cùng phù hộ cho nó được chừa cải.

467 — H. — *Đến tối khi toan đi ngủ, thì phải làm thể nào ?*

T. — Dù mà xác nhọc nhẳn muốn ngủ mặc lòng cũng phải ép mình mà đọc kinh đã : vì chưng việc đọc kinh là của nuôi linh hồn, cùng phải đội ơn Đức Chúa Lời đã gìn giữ ta ban ngày, thì xin Người lại gìn giữ ta ban đêm nữa, chẳng nên đi ngủ không bao giờ.

468 — H. — *Ban tối phải đọc kinh thể nào ?*

T. — Ví bằng có đến nhà thờ mà đọc kinh chung cùng các bổn đạo được, thì là phần nhất ; chẳng vậy, thì phải đọc riêng trong nhà, chẳng nên nằm nghỉ trước đoạn sẽ đọc kinh, kẻo liều mình ngủ không chăng.

469 — H. — *Kẻ trở nhiều việc cần kíp mà đọc kinh tối tắt vậy, thì phải đọc những kinh nào ?*

T. — Trước hết phải đọc kinh Lạy Cha, kinh Kính mừng, kinh Tin kính, đoạn ở lặng một chốc mà lạy tạ ơn Đức Chúa Lời cùng xin Người soi sáng cho biết những tội lỗi đã phạm trong ngày hôm ấy ; rồi đọc kinh Cáo mình, kinh Ăn năn tội, kinh Tin, Cậy, Kính mến, kinh Lạy Nữ-vương, kinh Đức thánh Thiên-thần ; sau hết đọc một kinh Lạy Cha, một kinh Kính mừng cũng như sáng ngày ; đoạn lại thêm kinh Phó dâng nữa.

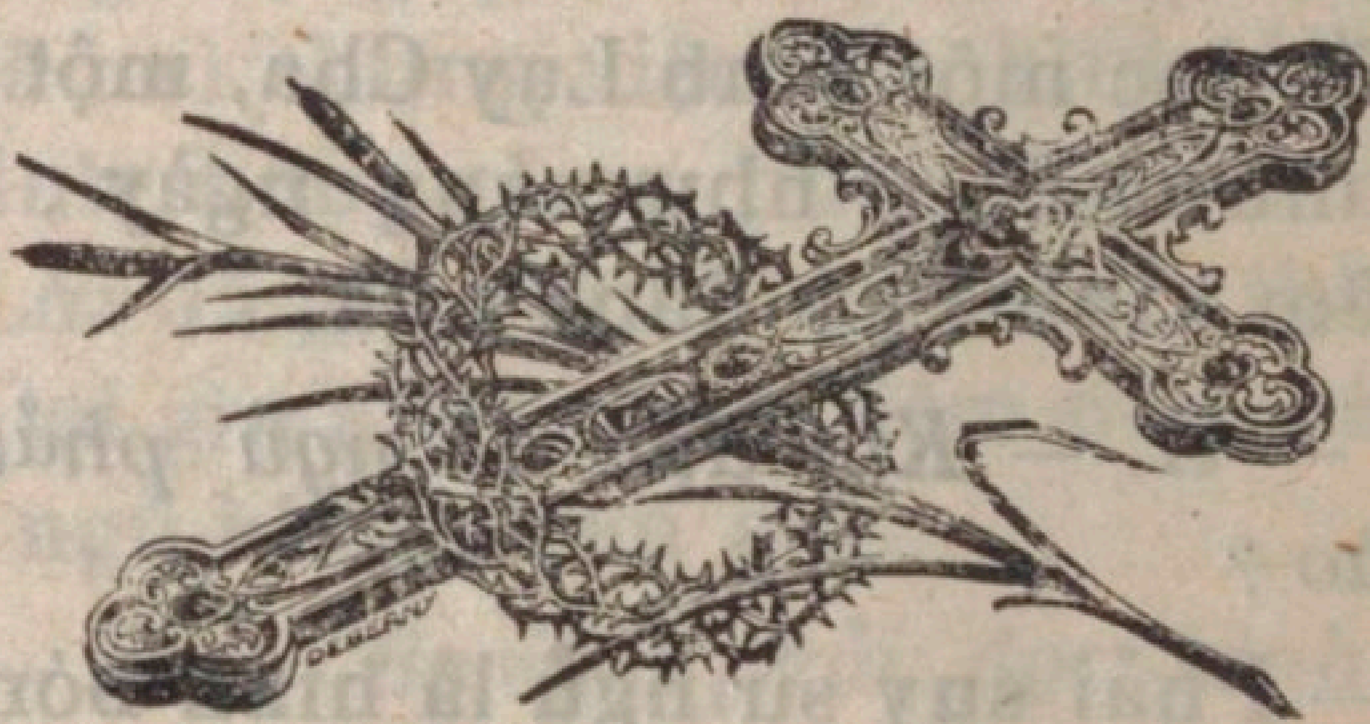
470 — H. — *Khi dọn đi ngủ phải làm thế nào ?*

T. — Phải suy sự ngủ là hình bóng sự chết, cùng phải lấy nước thánh mà làm dấu thánh Giá trên mình như khi làm phép xác kẻ chết vậy.

471 — H. — *Ban đêm khi chẳng ngủ được, thì phải làm thế nào ?*

T. — Phải thầm thĩ rằng : Lạy Chúa tôi, chớ để cho tôi phải chết đang khi

mắc tội trọng ; hay là khi ấy phải nhớ sự thương khó Đức Chúa Giêsu đã chịu lót đêm trước ngày chịu chết vì ta, hay là suy tưởng những bình khổ kẻ đã sa hoả ngục hằng chịu đêm ngày liên, chẳng có bao giờ được nghỉ ngơi sốt.



MỤC LỤC

PHẦN THỨ I.

Dạy về sự Đức Chúa Lời dựng nên lời đất, cùng về ba sự mầu nhiệm cả trong đạo Đức Chúa Lời, và bốn sự sau cùng nghĩa kinh Tin kính.

Đoạn I. Dạy về sự Đức Chúa Lời dựng nên lời đất, cùng thiên thần, và loài người ta. 5

Đoạn II. Dạy về sự mầu nhiệm cả trong đạo Đức Chúa Lời 9

Điều I. Dạy về sự một Đ. C. Lời Ba Ngôi. 9

Điều II. Dạy về sự Ngôi thứ Hai ra đời. 11

Điều III. Dạy về sự Đức Chúa Giêsu chuộc tội thiên hạ. 14

Đoạn III. Dạy về sự chết, sự phán xét riêng, ngày tận thế, sự phán xét chung, sự thiên đàng, luyện ngục cùng hoả ngục. 16

Đoạn IV. Dạy về nghĩa kinh Tin kính. 20

Điều I. Tôi tin kính Đ. C. Lời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên lời đất. 20
Điều II. Tôi tin Đ. C. Giêsu Kirixitô là Con một Đ. C. Cha cùng là Chúa chúng tôi. 22
Điều III. Bởi phép Đ C T. Thần mà Người xuống thai sinh bởi Bà Maria đồng trinh. 24
Điều IV. Chịu nạn đời quan Phong-xiô Philatô, chịu đóng đanh trên cây thánh Giá, chết và táng xác. 25
Điều V. Xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại. 26
Điều VI. Lên lời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng. 27
Điều VII. Ngày sau bởi lời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết. 28
Điều VIII. Tôi tin kính Đ C T. Thần 28
Điều IX. Tôi tin có Hội-thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công. 29

Điều X. Tôi tin phép tha tội. 33
Điều XI. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại. 33
Điều XII. Tôi tin hằng sống vậy. 33



PHẦN THỨ II.

Dạy về những phép trọng hơn trong đạo thánh Đức Chúa Lời, gọi là bảy phép Bi-tích.

Đoạn I. Dạy lẽ chung về những phép trọng hơn trong đạo thánh Đức Chúa Lời. 35
Đoạn II. Dạy về phép Rửa tội. 37
Đoạn III. Dạy về phép Thêm sức. 41
Đoạn IV. Dạy về phép Mình th. Chúa. 43
Điều I. Dạy về phép Mình thánh Chúa là thể nào. 43
Điều II. Dạy về những ích trọng bởi chịu lễ mà ra. 46
Điều III. Dạy về sự dọn mình chịu lễ. 47

Điều IV. Dạy về sự phải làm khi chịu lễ đoạn. 49
Điều V. Dạy về phép Tế lễ cực trọng gọi là lễ Misa. 51
Đoạn V. Dạy về phép Giải tội. 53
Điều I. Dạy về sự xét mình. 54
Điều II. Dạy về sự ăn năn tội. 55
Điều III. Dạy về sự dốc lòng chừa. 58
Điều IV. Dạy về sự xưng tội. 60
Điều V. Dạy về sự đền tội. 64
Đoạn VI. Dạy về phép Xức dầu thánh. 66
Đoạn VII. Dạy về phép Truyền chức thánh. 69
Đoạn VIII. Dạy về phép Hôn-phối. 71



PHẦN THỨ III.

Dạy về mười điều răn Đức Chúa Lời cùng sáu điều răn Hội-thánh và sự tội cùng những sự dữ bởi tội mà ra.

Đoạn I. Dạy về mười điều răn Đức Chúa Lời. 75
Điều răn I. Thờ phượng một Đức

Chúa Lời và kính mến Người trên hết mọi sự. 76
Điều răn II. Chớ kêu tên Đức Chúa Lời vô cớ. 86
Điều răn III. Giữ ngày Chủ-nhật. 89
Điều răn IV. Thảo kính cha mẹ. 92
Điều răn V. Chớ giết người. 98
Điều răn VI. Chớ làm sự dâm dục. 100
Điều răn VII. Chớ lấy của người. 102
Điều răn VIII. Chớ làm chứng dối. 105
Điều răn IX. Chớ muốn vợ chồng người. 108
Điều răn X. Chớ tham của người. 110
Đoạn II. Dạy về sáu điều răn Hội-thánh. 111
Điều răn I. Xem lễ ngày Chủ-nhật cùng các ngày lễ buộc, và Điều răn II. Chớ làm việc xác ngày Chủ-nhật cùng các ngày lễ buộc. 111
Điều răn III. Xưng tội trong một năm ít là một lần. 112
Điều răn IV. Chịu Mình thánh Đức Chúa Giêsu trong mùa Phục-sinh. 113

Điều răn V. Giữ chay những ngày Hội-thánh buộc 114
Điều răn VI. Kiêng thịt ngày thứ sáu cùng những ngày khác Hội-thánh dạy. 115
Đoạn III. Dạy về sự tội cùng những sự dữ bởi tội mà ra. 117
Điều I. Dạy về sự tội. 117
Điều II. Dạy về những sự dữ bởi tội mà ra. 119

PHẦN THỨ IV.

Dạy về ơn Đức Chúa Lời, sự cầu nguyện, dấu thánh Giá, nghĩa kinh Lạy Cha, kinh Kính mừng, cùng những việc bổn đạo phải làm hằng ngày.

Đoạn I. Dạy về ơn Đ C. Lời và sự cầu nguyện cùng dấu thánh Giá. 121
Điều I. Dạy về ơn Đức Chúa Lời. 121
Điều II. Dạy về sự cầu nguyện. 123
Điều III. Dạy về dấu thánh Giá. 124

Đoạn II. Dạy về nghĩa kinh Lạy Cha cùng kinh Kính mừng. 126
Điều I. Dạy về kinh Lạy Cha. 126
Điều II. Dạy về kinh Kính mừng. 132
Đoạn III. Dạy về những việc bổn đạo phải làm hằng ngày. 136



CHUNG

IMPRIMERIE DE QUINHON

30-1-31

